

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế thị trường hoạt động dưới sự điều khiển của “bàn tay vô hình” cùng với sự chi phối của các quy luật kinh tế đặc trưng: Quy luật kinh tế cạnh tranh, quy luật cung cầu, quy luật giá trị tạo nên môi trường kinh doanh đầy hấp dẫn sôi động cũng như đầy rủi ro và không kém phần khốc liệt. Là một tế bào của nền kinh tế để tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh, nhất là trong giai đoạn hiện nay nguyên tắc lấy thu bù chi để đảm bảo có lãi là nguyên tắc hàng đầu. Song để có được lãi các doanh nghiệp phải đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng hoá, phấn đấu giảm giá thành, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giảm chi phí bán hàng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp... có như vậy các doanh nghiệp mới có thể trang trải được các khoản nợ, thực hiện được nghĩa vụ đối với nhà nước ổn định được tình hình tài chính, thực hiện tái sản xuất cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Do đó để tìm hiểu được chỗ đứng của mình trên thị trường, doanh nghiệp phải khai thác tốt tiềm năng bên trong của mình kết hợp với việc sử dụng có hiệu quả các công cụ quản lý trong đó có kế toán. Đặc biệt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Để góp phần thực hiện tốt công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và các công ty thương mại nói riêng em đã lựa chọn tham gia nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà”***.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Trình bày có hệ thống, có phân tích những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp, thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà. Trên cơ sở hệ thống hoá, phân tích những vấn đề chung và nghiên cứu khảo sát

thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà, đưa ra một số nội dung và kiến nghị về hoàn thiện kế toán trong lĩnh vực này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

Đối tượng nghiên cứu: những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.

4. Phương Pháp Nghiên Cứu

Phương pháp nghiên cứu: phương pháp thống kê, phương pháp biện chứng, phương pháp kế toán...

5. Nội dung kết cấu của đề tài

Nội dung của khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà .

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán và dưới sự hướng dẫn của thầy giáo PGS.TS.Thịnh Văn Vinh .Em đã phần nào nắm được tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót.

Em mong nhận được sự đóng góp và ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, hàng hoá ngày càng đa dạng và phong phú, với nhiều mẫu mã và kiểu dáng hiện đại phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Với sự phát triển đó đòi hỏi mọi doanh nghiệp phải đặt ra và thực hiện tốt chiến lược kinh doanh của công ty mình, để thu được lợi nhuận tối đa có thể. Vì vậy phải tổ chức công tác bán hàng như thế nào để đạt được mục đích đó. Bán hàng là quá trình chuyển quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng đồng thời thu được tiền và giành quyền được quyền thu tiền.

Doanh thu bán hàng là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ việc doanh nghiệp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Theo thông tư số 100/1998/TT/BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/7/1998: Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền thu được từ việc doanh nghiệp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng không bao gồm phần thuế GTGT. Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được từ việc doanh nghiệp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã bao gồm phần thuế GTGT. Theo ” văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ xung chế độ KTDN” thông tư số 120/1999/TT_BTC ngày 7/10/1999 .

- Doanh thu thuần về bán hàng là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi (-) các khoản giảm trừ doanh thu (Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Giá vốn hàng bán: Bao gồm trị giá mua của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua phân bổ cho hàng xuất kho để bán.

- Chi phí bán hàng: Là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình bán hàng. Nó bao gồm chi phí bao gói, chi phí bảo quản hàng hoá, chi phí vận chuyển, tiếp thị, quảng cáo, ...

- Chi phí quản lý Doanh nghiệp: Là các khoản chi phí cho quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là một chỉ tiêu quan trọng, là một phần quan trọng trong tổng lợi nhuận của doanh nghiệp. Nó phản ánh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có hiệu quả hay không. Thông qua đó doanh nghiệp có thể nhận xét được hoạt động kinh doanh của mình và có những biện pháp khắc phục những hạn chế.

1.1.2 Yêu cầu quản lý quá trình bán hàng và nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Yêu cầu quản lý quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp thương mại.

Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Ghi chép đầy đủ, kịp thời khối lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra và tiêu thụ nội bộ, tính toán đúng đắn trị giá vốn của hàng bán, chi phí bán hàng và các khoản chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch bán hàng, kỷ luật thanh toán và làm nghĩa vụ với Nhà nước.

- Cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về tình hình bán hàng xác định kết quả kinh doanh phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần chú ý những yêu cầu sau:

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là đã bán để kịp thời lập báo cáo bán hàng và phản ánh doanh thu. Báo cáo thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng chi tiết theo từng loại, từng hợp đồng kinh tế nhằm giám sát chặt chẽ hàng bán về số lượng, chất lượng, thời gian . . .

Đôn đốc việc thu tiền khách hàng nộp về quỹ.

- Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý. Các chứng từ ban đầu phải đầy đủ, hợp pháp, luân chuyển khoa học, hợp lý, không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý cho hàng còn lại cuối kỳ và kết chuyển chi phí cho hàng bán trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh chính xác.

1.1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Từ đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nêu trên, kế toán có một vai trò quan trọng trong công tác quản lý của doanh nghiệp nói chung và trong hoạt động kinh doanh nói riêng. Để thực hiện tốt vai trò của kế toán, kế toán doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời về tình hình lưu chuyển của thành phẩm và hàng hoá ở doanh nghiệp về mặt giá trị và hiện vật. Tính toán, phản ánh đúng đắn trị giá vốn hàng nhập kho, xuất kho và trị giá vốn của hàng hoá tiêu thụ.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về quá trình mua hàng, bán hàng. Xác định đúng đắn kết quả kinh doanh hàng hoá. Đồng thời, chấp hành đúng các chế độ tài chính về chứng từ, sổ sách nhập, xuất kho, bán hàng hoá và tính thuế. Cung cấp thông tin tổng hợp và thông tin chi tiết cần thiết về hàng hoá phục vụ kịp thời cho quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo dõi chặt chẽ tình hình tồn kho hàng hoá, giảm giá hàng hoá. . .

Tổ chức kiểm kê hàng hoá đúng theo quy định, báo cáo kịp thời hàng tồn kho

1.2 Kế toán doanh thu trong các doanh nghiệp

1.2.1 Khái niệm doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ dao dịch, sự kiện được xác định bởi thoả thuận giữa doanh nghiệp với bên mua và bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không coi là doanh thu. Như vậy, doanh thu đóng vai trò quan trọng, là nguồn bù đắp các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra, đồng thời làm tăng vốn chủ sở hữu. Việc hạch toán đúng doanh thu sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, để từ đó có các quyết định kinh doanh hợp lý. Vấn đề đặt ra đối với các nhà quản lý là phải tổ chức kế toán chi tiết doanh thu như thế nào để cung cấp những thông tin nhằm xử lý và có những quyết định đúng đắn đến nhiều vấn đề sống còn của doanh nghiệp.

1.2.2 Các loại doanh thu trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ .

Là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng dịch vụ trên thị trường sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu hay chưa thu tiền) bao gồm:

✓ Doanh thu bán hàng: là toàn bộ số tiền có được do bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn những điều kiện đã qui định .

✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được do thực hiện các thoả thuận trong một hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch,... Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện đã qui định.

1.2.2.2 Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới.

1.2.2.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ Chiết khấu thương mại:

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

➤ Giảm giá hàng bán:

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

*) Giá trị hàng bán bị trả lại:

Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

*) Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.2.2.4 Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, bao gồm:

- ✓ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do thanh toán tiền hàng trước thời hạn qui định,...
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia
- ✓ Thu nhập về hoạt động mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- ✓ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư khác.
- ✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- ✓ Lãi tỷ giá hối đoái.
- ✓ Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- ✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- ✓ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Đồng thời được xác định trên cơ sở:

- + Tiền lãi được xác nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.2.2.5 Thu nhập khác

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xoá sổ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ, các khoản thu nhập khác.

1.2.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu

1.2.3.1 Nguyên tắc kế toán doanh thu

– Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia theo quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện đó thì không hạch toán vào doanh thu.

– Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

– Trường hợp hàng hoá hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hoá, dịch vụ tương tự về bản chất thì không được ghi nhận doanh thu.

– Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

– Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá,...nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính.

– Cuối kỳ kế toán doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán doanh thu .

1.2.3.2.1 Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ kế toán liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

Đối với các nghiệp vụ hạch toán doanh thu bán hàng kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 511: Doanh thu bán hàng: phản ánh doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK511

<ul style="list-style-type: none"> - Thuế TTĐB, XNK hoặc GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán: - Khoản chiết khấu thương mại - Trị giá hàng bán bị trả lại - Khoản giảm giá hàng bán - K/C doanh thu thuần sang TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - DT bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.
---	--

TK 511 không có số dư cuối kỳ

TK 511 có 4 TK cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm
 - TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 512: Doanh thu nội bộ: phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp.

TK 512

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ k/c cuối kỳ kế toán. - Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ nội bộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số DT bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
--	---

TK 512 không có số dư cuối kỳ

TK 512 có 3 TK cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5122 - Doanh thu bán thành phẩm
 - TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 531: Hàng hoá bán bị trả lại: phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: do vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng kém chất lượng; kém phẩm chất; không đúng chủng loại quy cách.
- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

TK 531

- Trị giá hàng bán bị trả lại.	- K/c toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512
--------------------------------	--

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

-TK 532: Giảm giá hàng bán: Phản ánh khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng khoản giảm giá bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi đã có hóa đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hóa đơn.

TK 532

- Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng.	- Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang bên Nợ TK 511 hoặc TK 512.
--	---

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

-TK 521: Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên "Hóa đơn GTGT" hoặc "Hóa đơn bán hàng" lần cuối cùng.
- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

TK 521

- Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
---	---

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

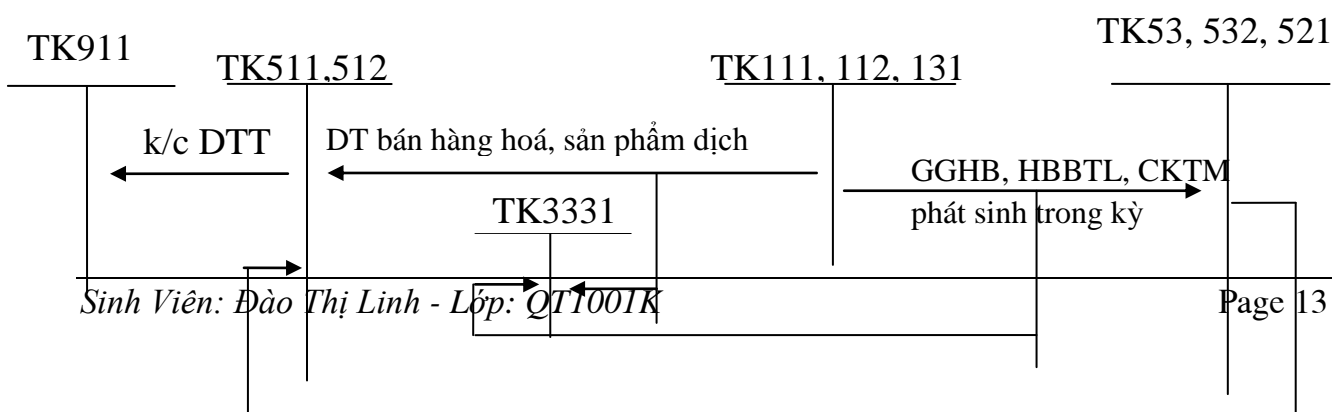
Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211 - Chiết khấu hàng hóa
- TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

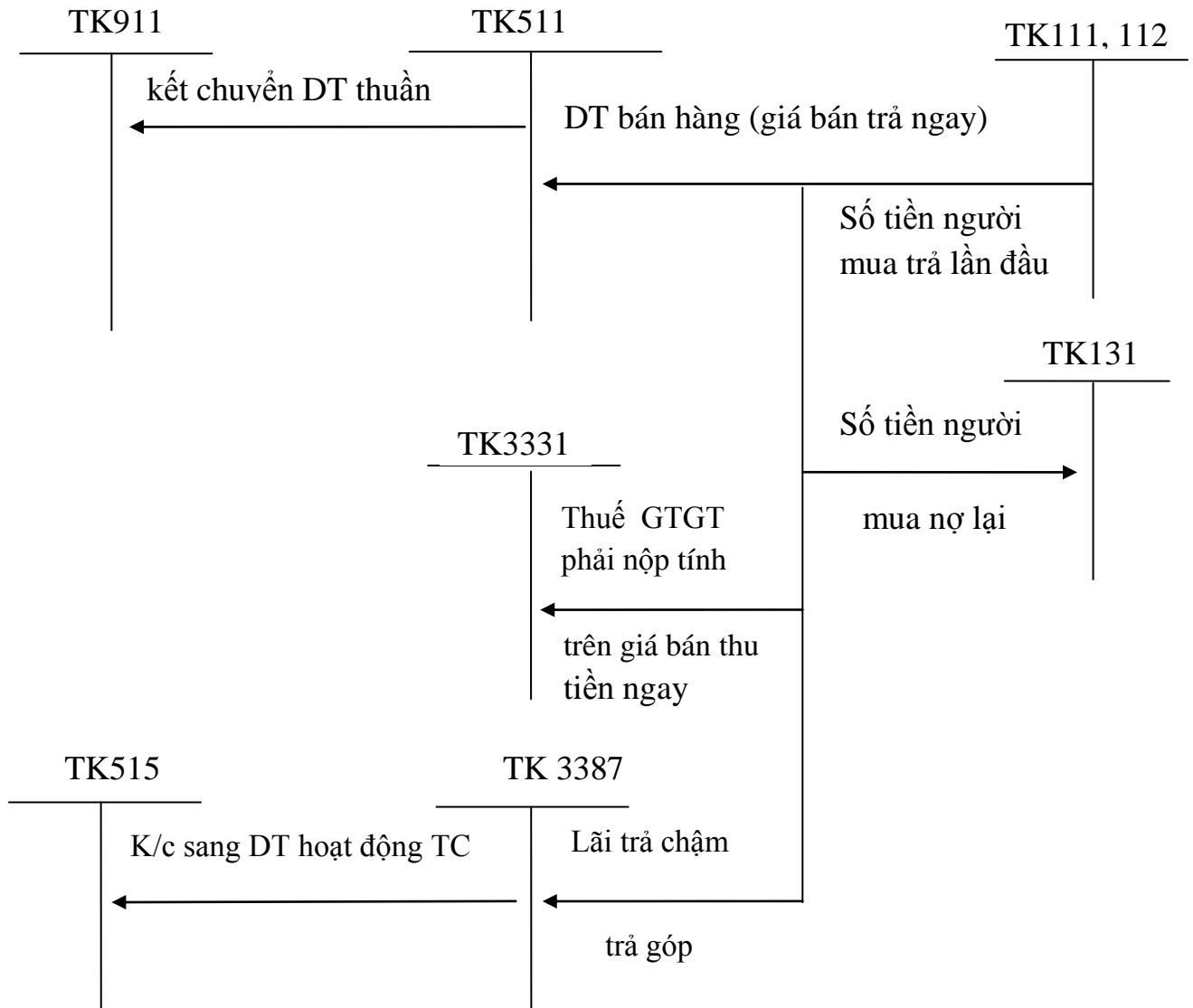
❖ Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong các doanh nghiệp:

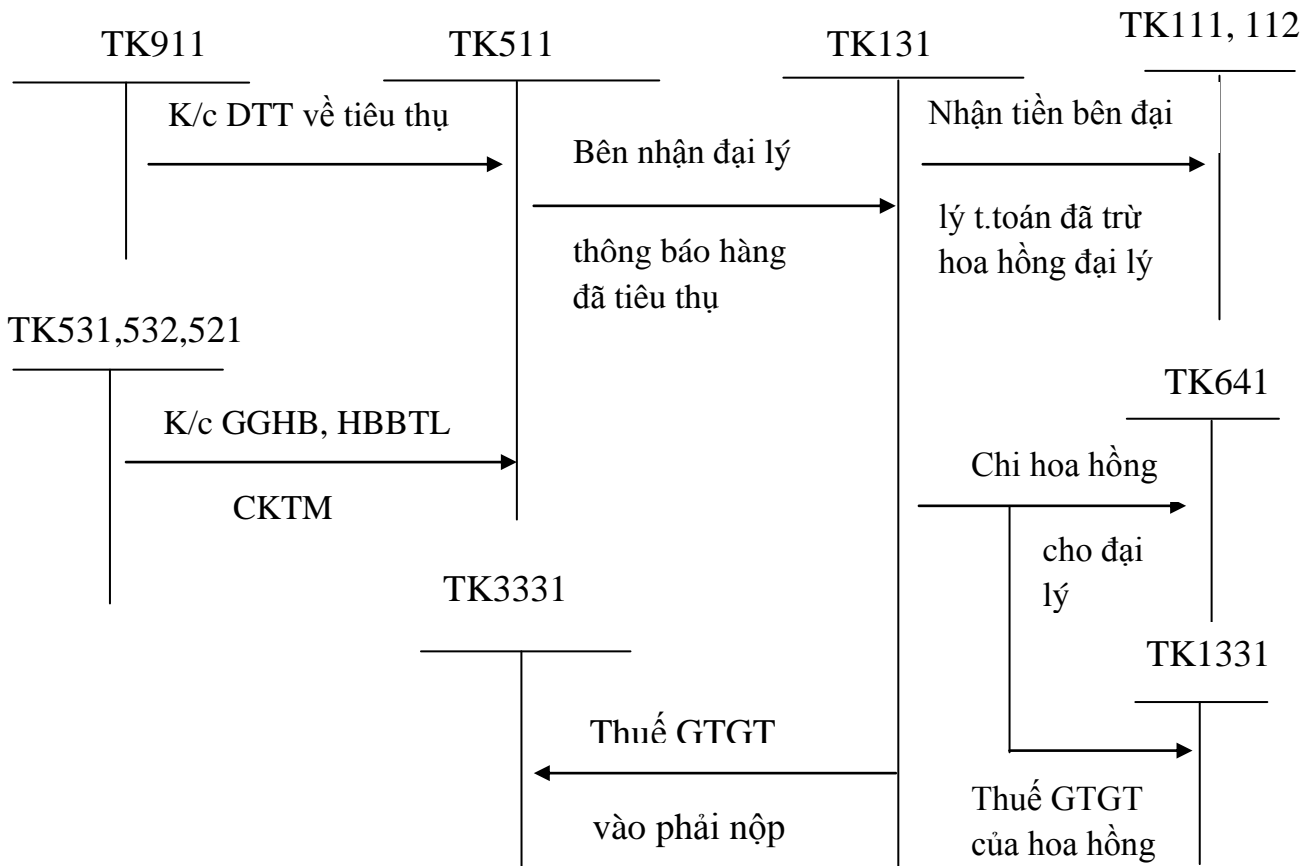
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu theo phương thức trả chậm trả góp

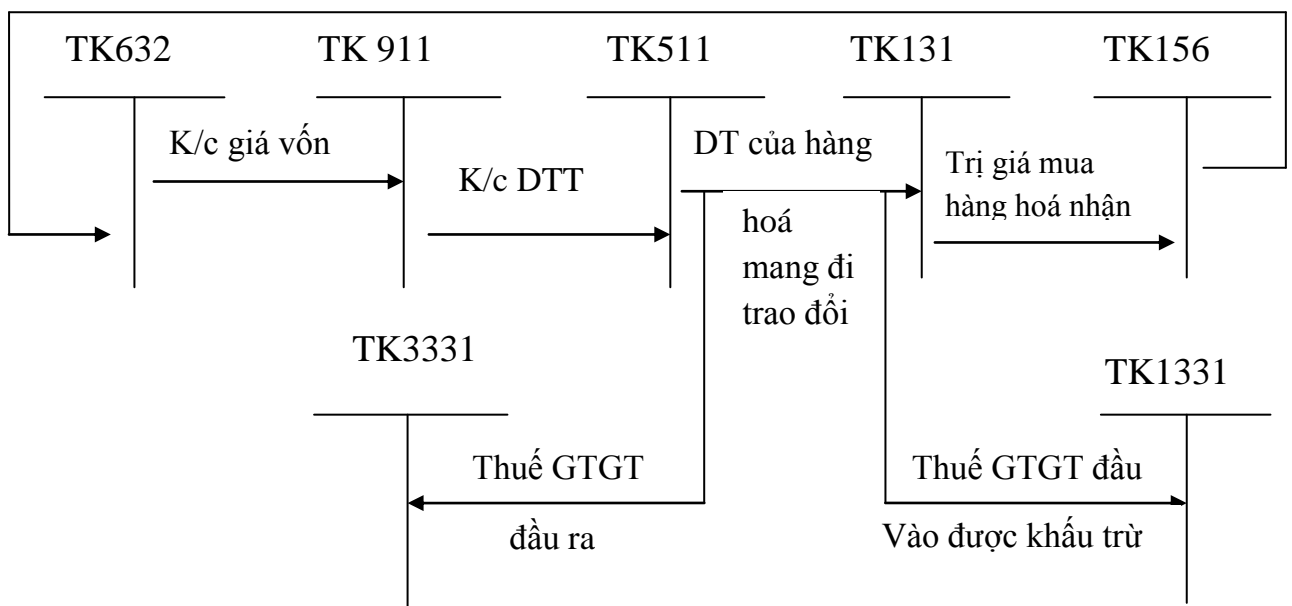


Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng đại lý - ký gửi



Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu theo phương thức hàng đổi hàng

Giá vốn hàng đem trao đổi



1.2.3.2 Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Chứng từ sử dụng

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc hoạt động kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

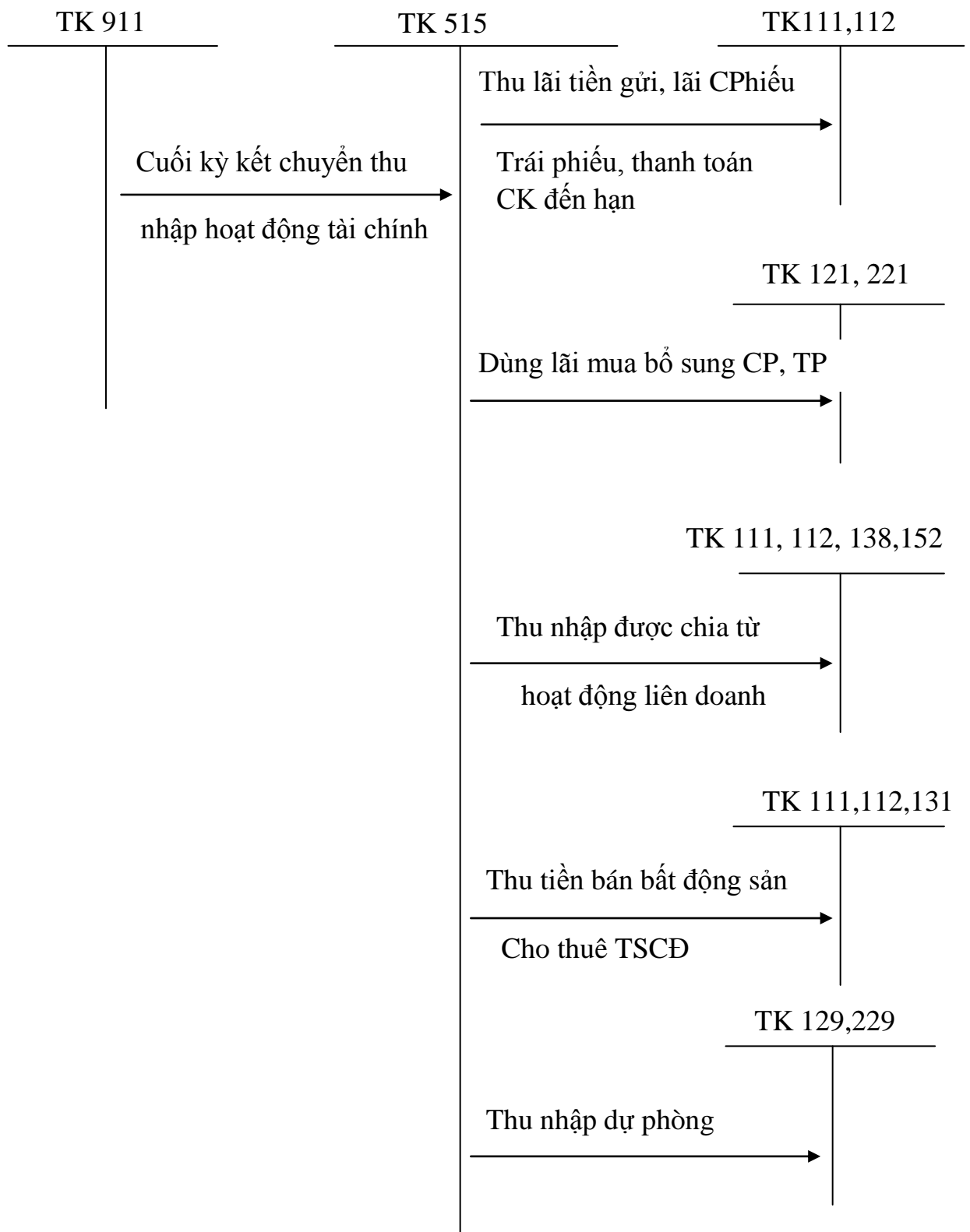
- Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính kế toán sử dụng tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 515

- Kết chuyển DT hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.	- DT hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
---	--

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ **Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



1.2.3.2.3 Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 711- Thu nhập khác

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 711

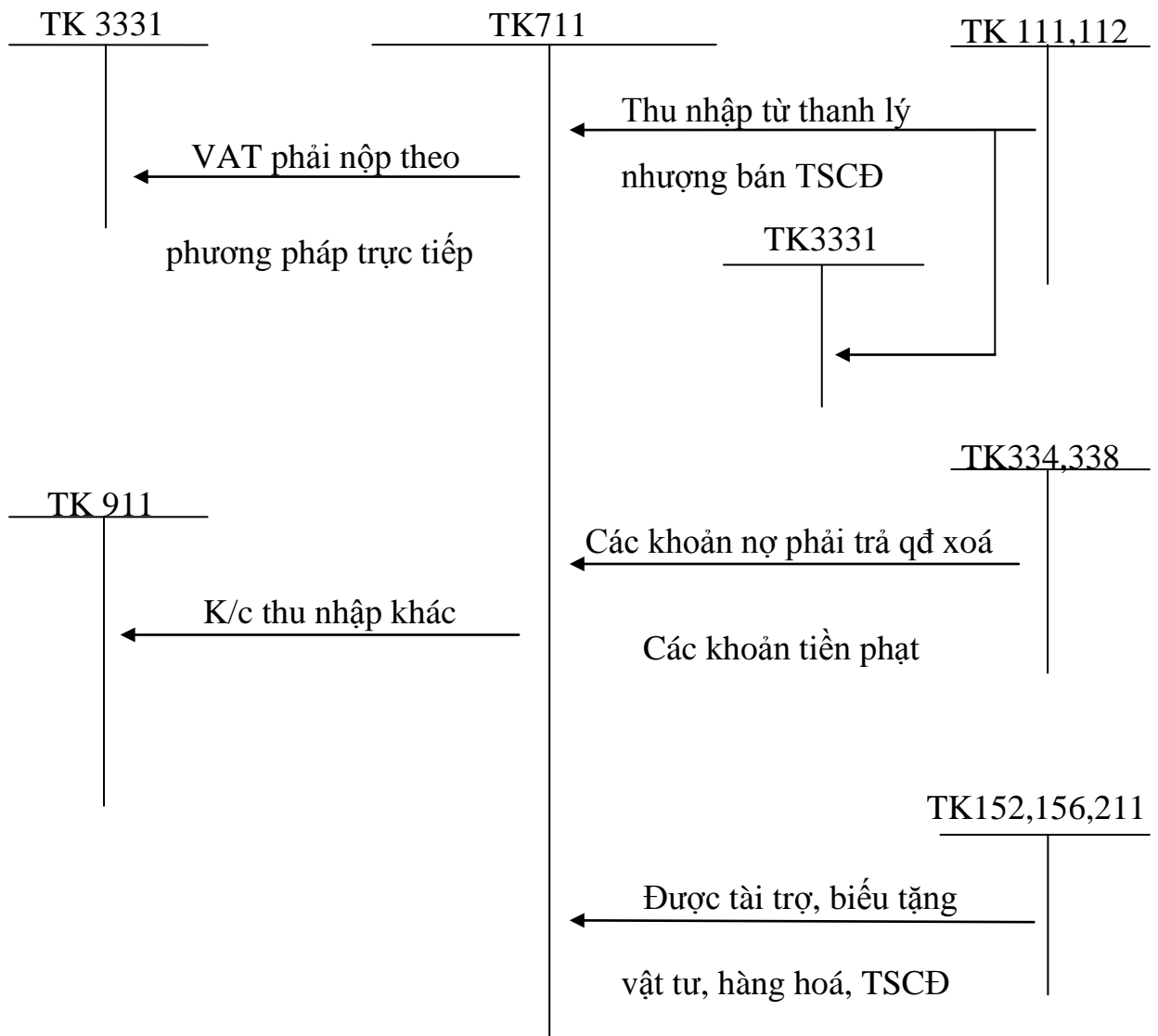
TK 711

<p>+ Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</p>
---	--

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp kế toán thu nhập khác

Trình tự hạch toán thu nhập khác được khái quát qua sơ đồ sau:



1.3 Kế toán chi phí trong các doanh nghiệp

1.3.1 Khái niệm chi phí

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp phải sử dụng các nguồn tài lực (lao động, vật tư, tiền vốn,...) để thực hiện việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện các công việc lao vụ, thu mua dự trữ hàng hoá, luân chuyển, lưu thông sản phẩm, hàng hoá, thực hiện các hoạt động đầu tư,.. kể cả chi cho công tác quản lý chung toàn doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp phải bỏ ra các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá cho quá trình hoạt động của mình. Có thể nói: chi phí hoạt động của doanh nghiệp (còn gọi là chi phí kinh doanh của doanh nghiệp hay chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp) là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã chi ra trong một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng tiền. Ngoài ra còn bao gồm một số khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán, chi phí là tổng các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu.

Do đó, chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh được ghi nhận là chi phí khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm tài sản này của đơn vị không làm tăng tài sản khác hoặc không làm giảm khoản nợ khác của đơn vị.

Hay nói một cách ngắn gọn, chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác ... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

1.3.2 Các loại chi phí trong doanh nghiệp

1.3.2.1 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.3.2.2 Chi phí bán hàng

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá.... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn....

- Chi phí vật liệu bao bì : phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định.... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định : phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...

- Chi phí bằng tiền khác : phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

1.3.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ ...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định : phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định.

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

1.3.2.4 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Theo chế độ kế toán hiện hành chi phí tài chính bao gồm:

- + Chi phí liên quan đến đầu tư chứng khoán.
- + Chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh kể cả khoản lỗ liên quan.
- + Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay vốn.
- + Chi phí liên quan đến hoạt động mua bán ngoại tệ.
- + Chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng.
- + Chi phí lãi vay vốn kinh doanh, khoản chiết khấu thanh toán khi bán sản phẩm hàng hoá.
- + Chênh lệch lỗ mua bán ngoại tệ, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- + Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.
- + Chi phí khác liên quan đến hoạt động tài chính.

1.3.2.5 Chi phí khác

Chi phí khác gồm: chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

1.3.2.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.3.3 Tổ chức công tác kế toán chi phí

1.3.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Chứng từ sử dụng :**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

- ✓ TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có kết cấu và nội dung phản ánh như sau:

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ .Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

TK 632

+ Giá vốn hàng đã bán + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	+ Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ. + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
---	--

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 156, TK611,TK632 (Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

✓ Việc hạch toán hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước xuất trước:

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

- Phương pháp nhập sau xuất trước:

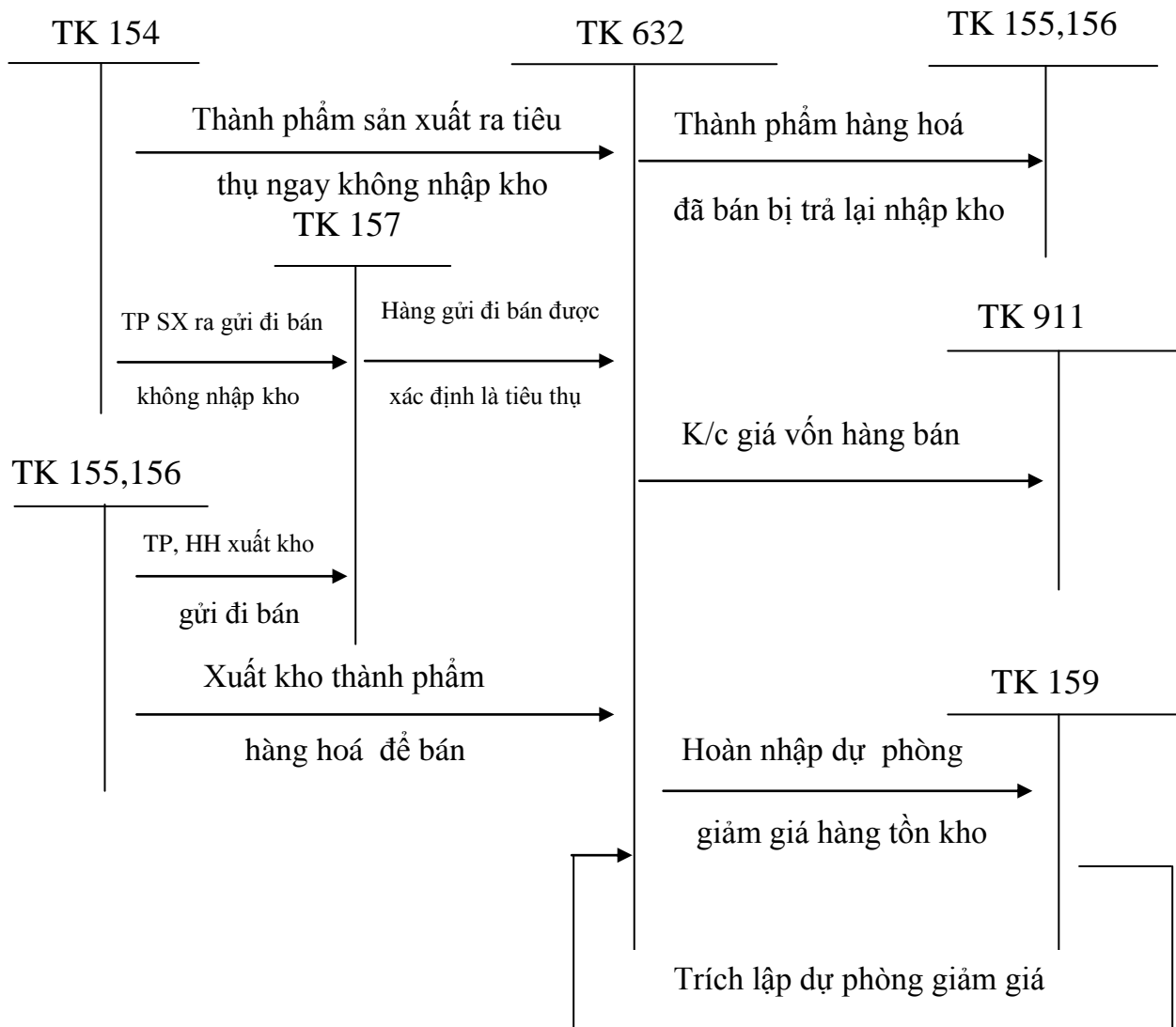
Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. Hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

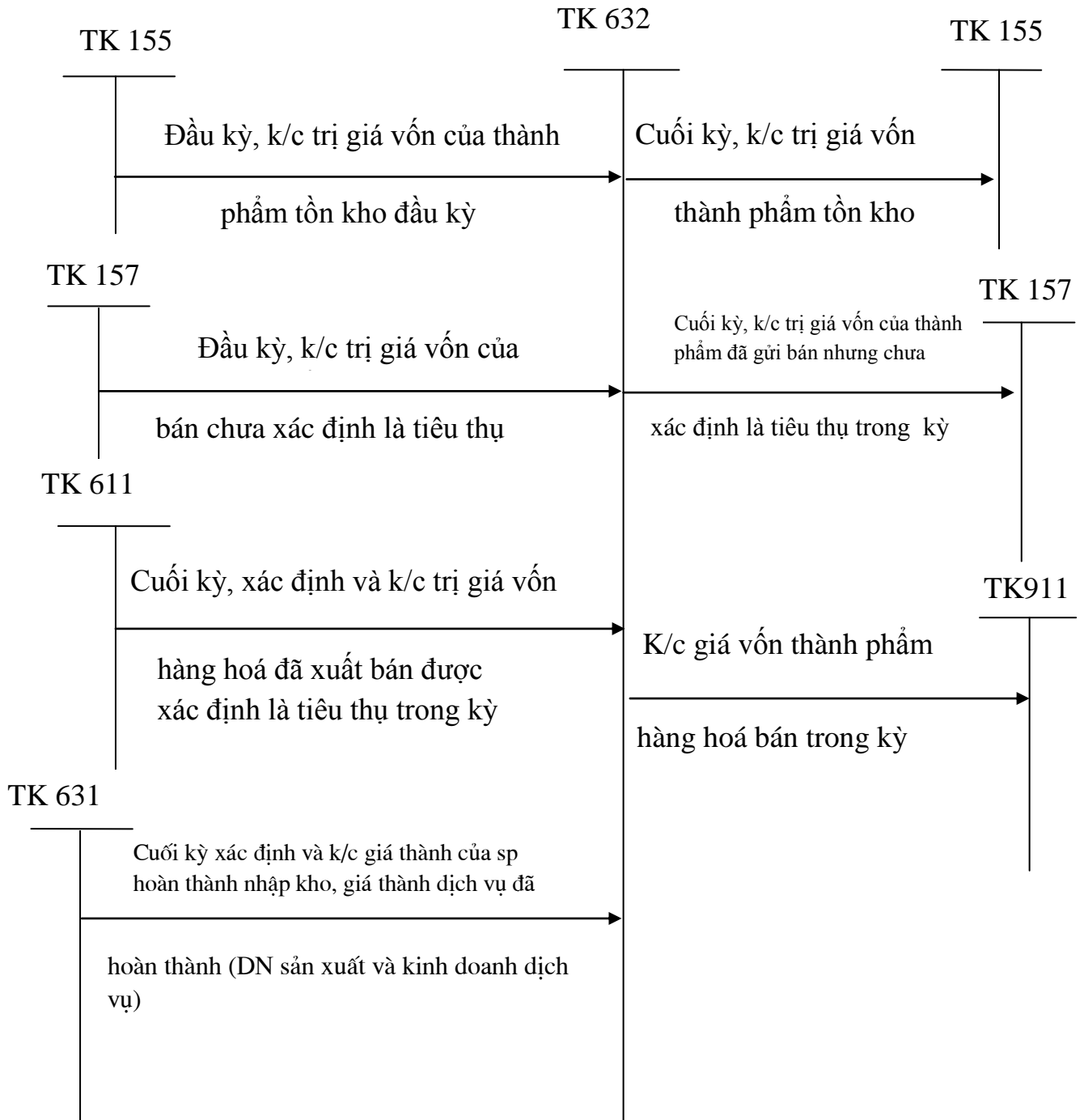
Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ Phương pháp hạch toán

✓ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kê khai thường xuyên) được khái quát theo sơ đồ sau:



✓ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ) được khái quát theo sơ đồ sau:



1.3.3.2 Kế toán chi phí bán hàng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ kế toán sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng .

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641 như sau:

TK 641

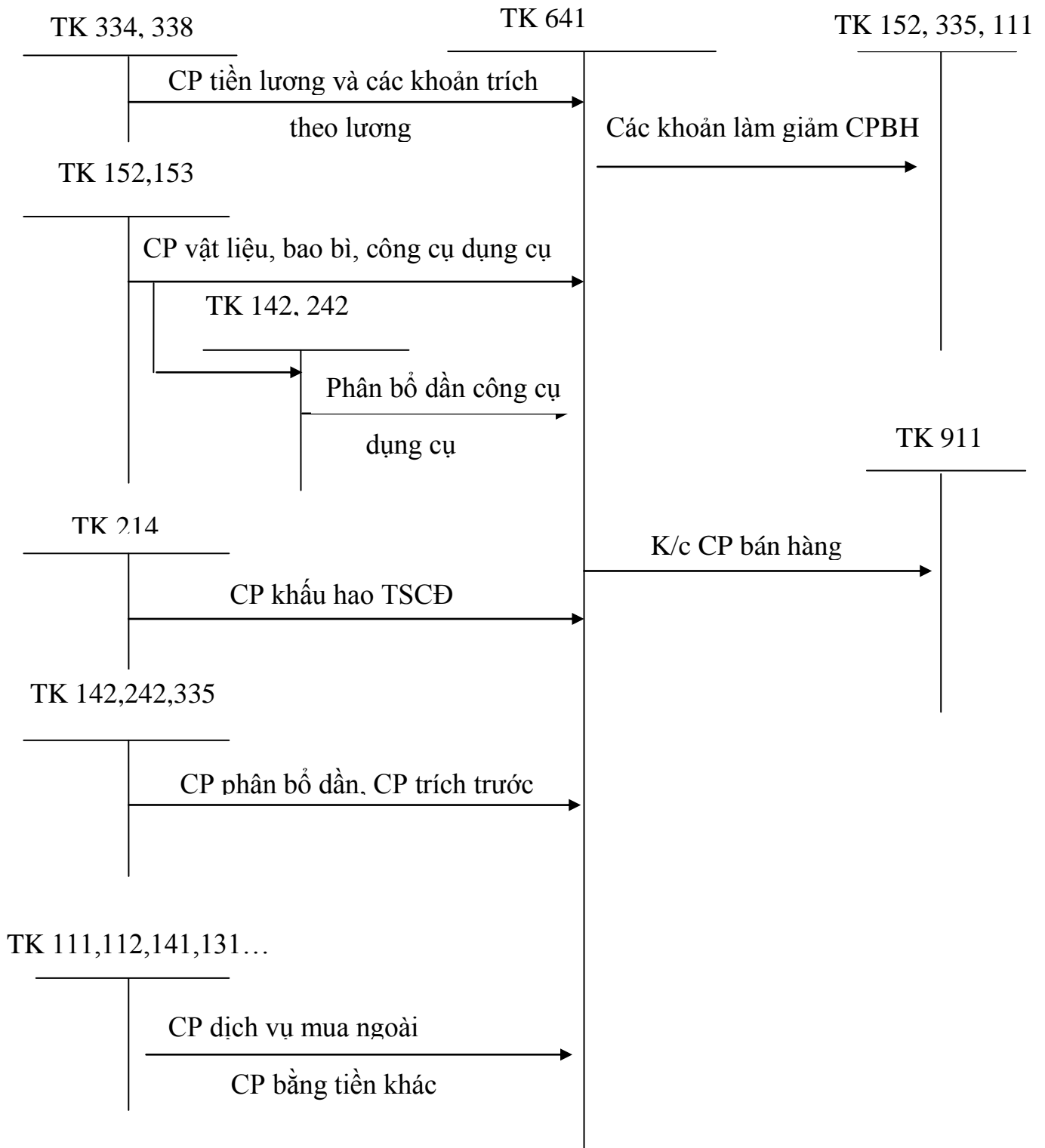
-Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có). - Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” hoặc vào bên Nợ TK 1422 - "Chi phí chờ kết chuyển".
--	---

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

TK 641 có 7 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6411 - Chi phí nhân viên
- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 - Chi phí bảo hành sản phẩm
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

❖ Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng



1.3.3.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kế toán sử dụng TK 641 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642

TK 642

<p>- Tập hợp CP quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.</p>	<p>- Các khoản được phép ghi giảm CP quản lý doanh nghiệp.</p> <p>- K/c CP quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” hoặc bên Nợ TK 1422 - "Chi phí chờ kết chuyển".</p>
--	--

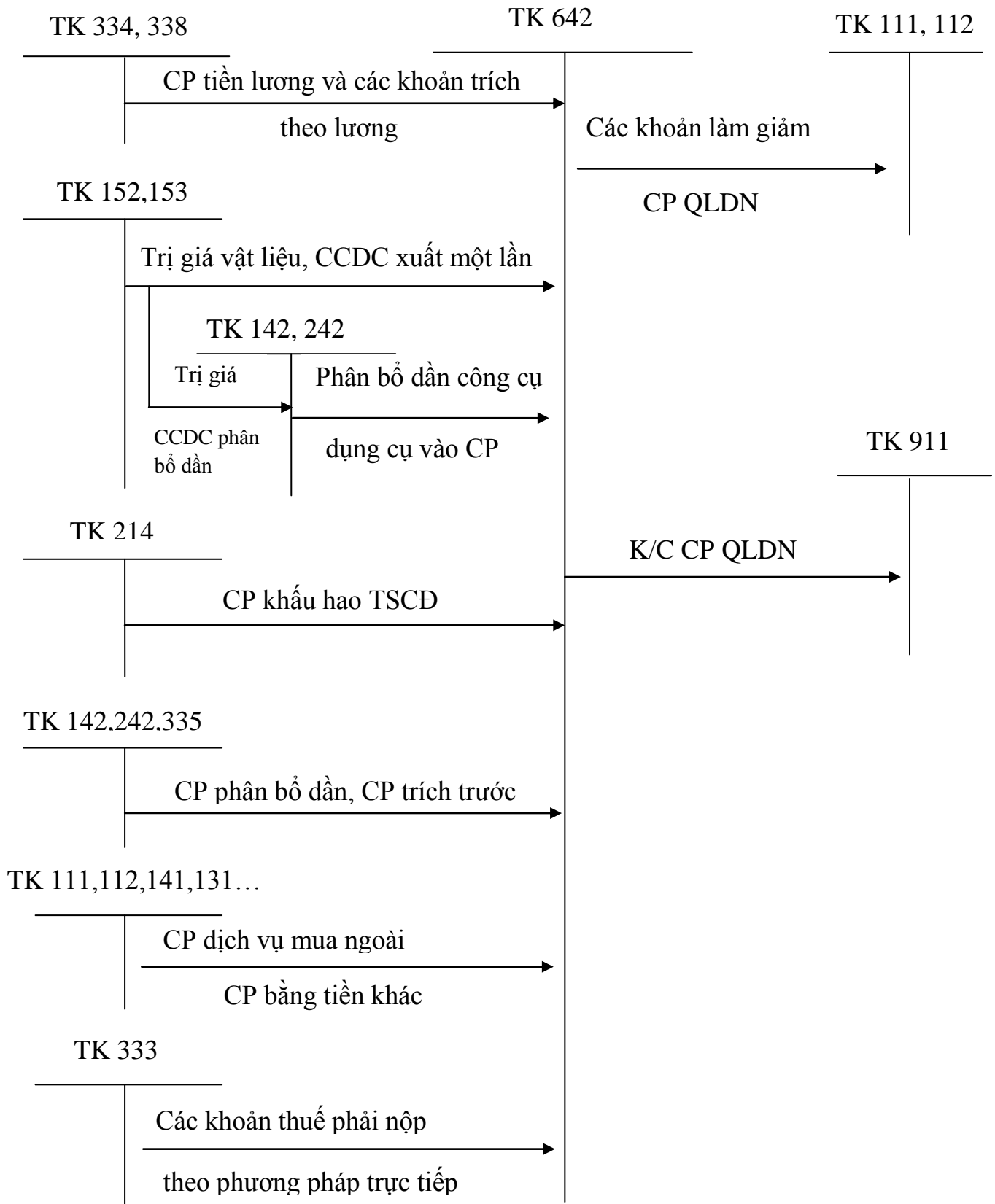
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

TK 642 có 8 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

❖ **Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.3.4 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Đề tập hợp chi phí hoạt động tài chính kế toán sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 635

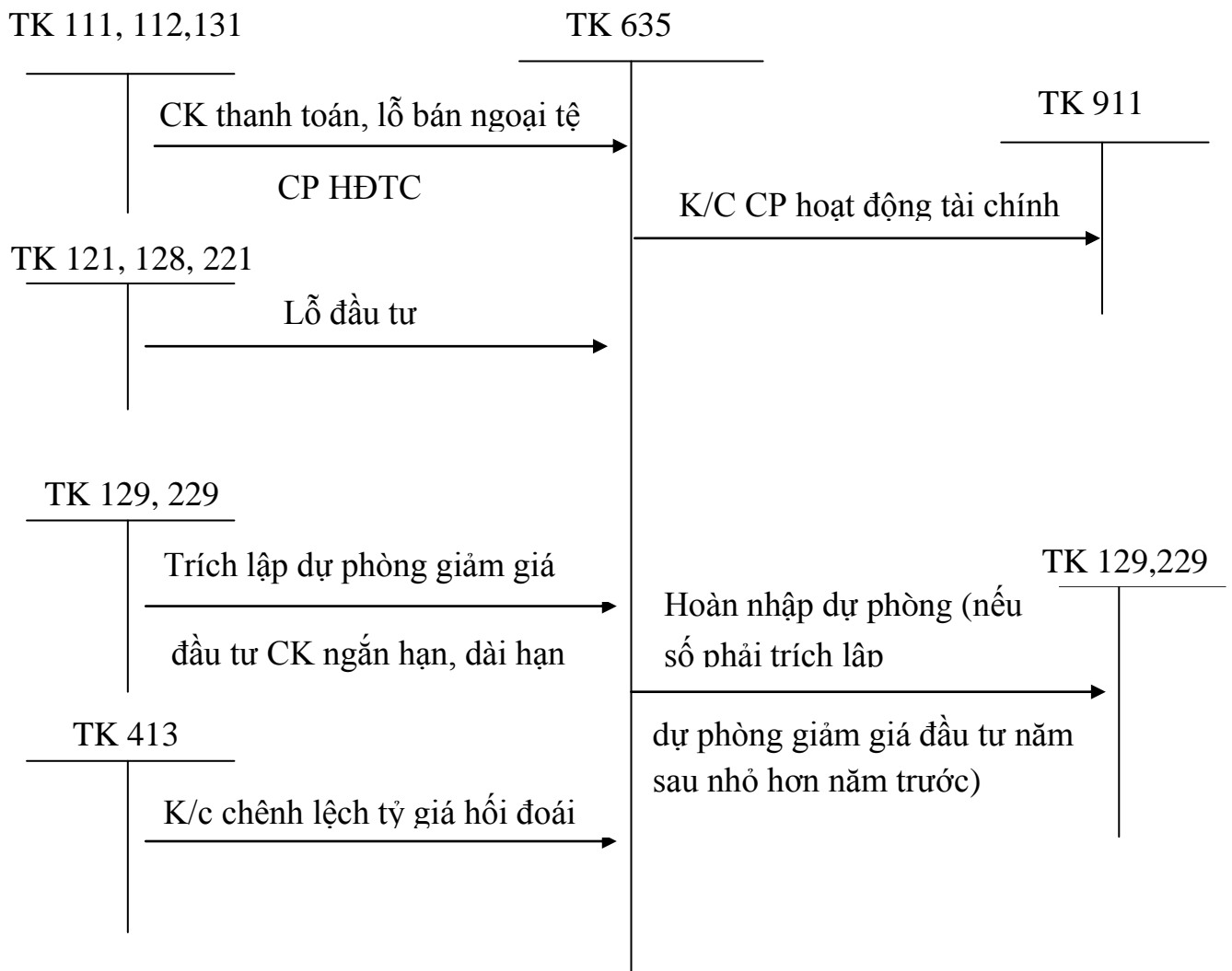
TK 635

<p>+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.</p> <p>+ Lỗ bán ngoại tệ</p> <p>+ Chiết khấu thanh toán cho người mua</p> <p>+ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).</p> <p>+ Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).</p> <p>+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <p>+ Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.</p> <p>+ Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác .</p>	<p>+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <p>+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</p>
---	--

TK 635 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính**

Trình tự kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.3.3.5 Kế toán chi phí khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí khác phát sinh trong doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác
 Kết cấu và nội dung TK 811

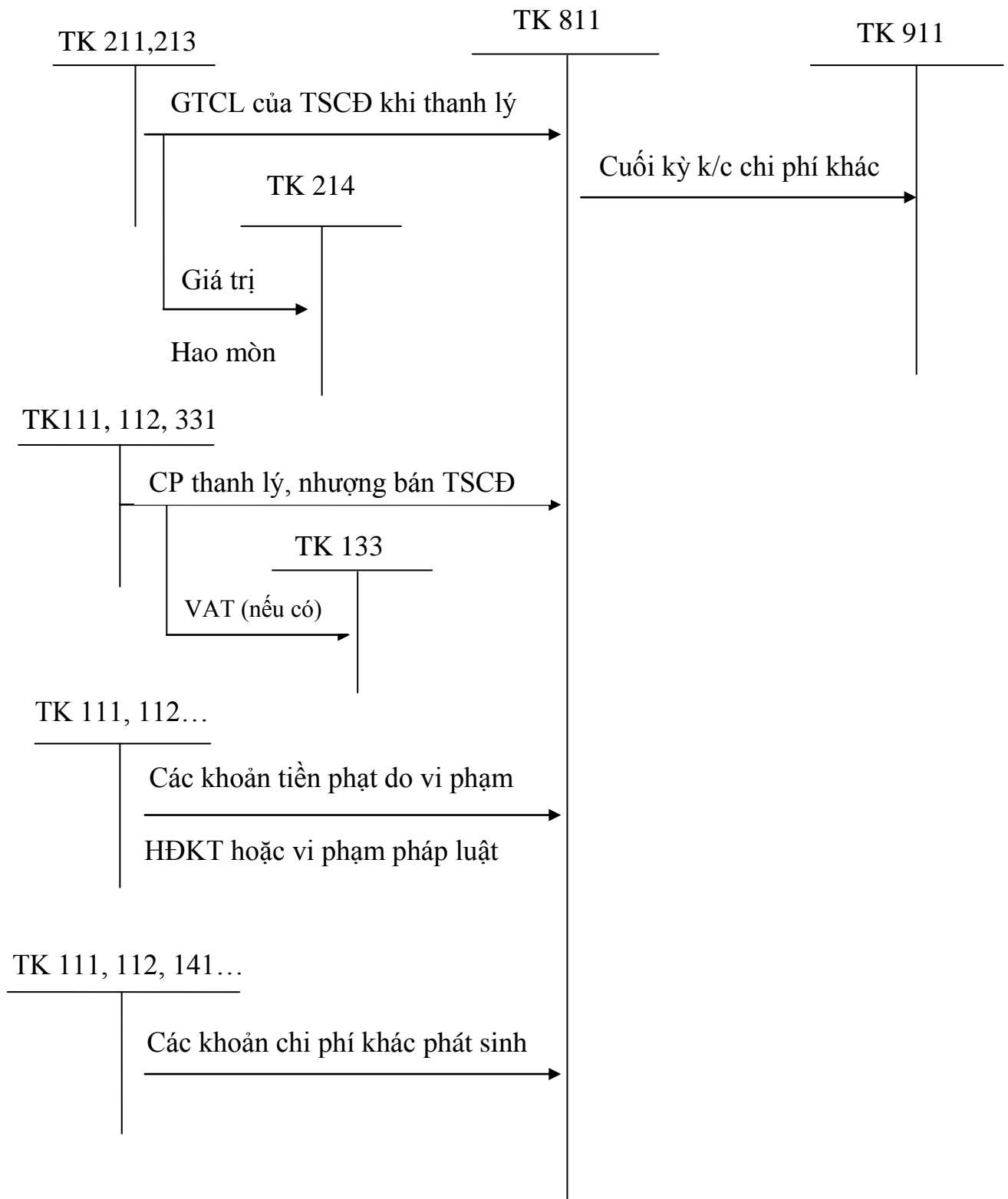
TK 811

– Các khoản chi phí khác phát sinh	– Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
------------------------------------	--

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán chi phí khác

Trình tự kế toán chi phí khác theo sơ đồ sau:



1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

1.4.1 Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ là phần lợi ích mà doanh nghiệp nhận được hoặc tổn thất mà doanh nghiệp phải gánh chịu trong quá trình hoạt động kinh doanh được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu và chi phí tương ứng của doanh nghiệp trong kỳ đó.

Kết quả kinh doanh được tạo ra từ việc so sánh giữa doanh thu của doanh nghiệp với chi phí tương ứng mà doanh nghiệp phải chi cho hoạt động kinh doanh. Kết quả kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Nếu doanh nghiệp tổ chức quản lý kinh doanh tốt tạo ra doanh thu cao hơn chi phí, doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu doanh nghiệp quản lý kinh doanh yếu kém, hoặc gặp rủi ro trong quá trình kinh doanh thì doanh thu sẽ thấp hơn chi phí, doanh nghiệp bị lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. KQKD thông thường được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lãi (lỗ)} & & & & & & \\ \text{từ HĐKD} & & & & & & \\ \text{thông} & = & & & & & \\ \text{thường} & & & & & & \end{array} \begin{array}{ccccccc} \text{DTT về} & & & & & & \\ \text{bán hàng} & & & & & & \\ \text{và cung} & & & & & & \\ \text{cấp dịch} & & & & & & \end{array} \begin{array}{ccccccc} - & & & & & & \\ \text{Giá} & & & & & & \\ \text{vốn} & & & & & & \\ \text{hàng} & & & & & & \\ \text{bán} & & & & & & \end{array} \begin{array}{ccccccc} - & & & & & & \\ \text{CPB} & & & & & & \\ \text{H \& } & & & & & & \\ \text{CPQ} & + & & & & & \\ \text{LDN} & & & & & & \end{array} \begin{array}{ccccccc} + & & & & & & \\ \text{DT} & & & & & & \\ \text{hoạt} & & & & & & \\ \text{động} & - & & & & & \\ \text{tài} & & & & & & \\ \text{chính} & & & & & & \end{array} \begin{array}{ccccccc} - & & & & & & \\ \text{CP} & & & & & & \\ \text{tài} & & & & & & \\ \text{chính} & & & & & & \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ các hoạt động bất thường khác, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.4.2 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

TK 911

<ul style="list-style-type: none"> + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư và dịch vụ đã bán. + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác. + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. + Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản TN khác và khoản ghi giảm CP thuế TNDN. + Kết chuyển lỗ.
--	---

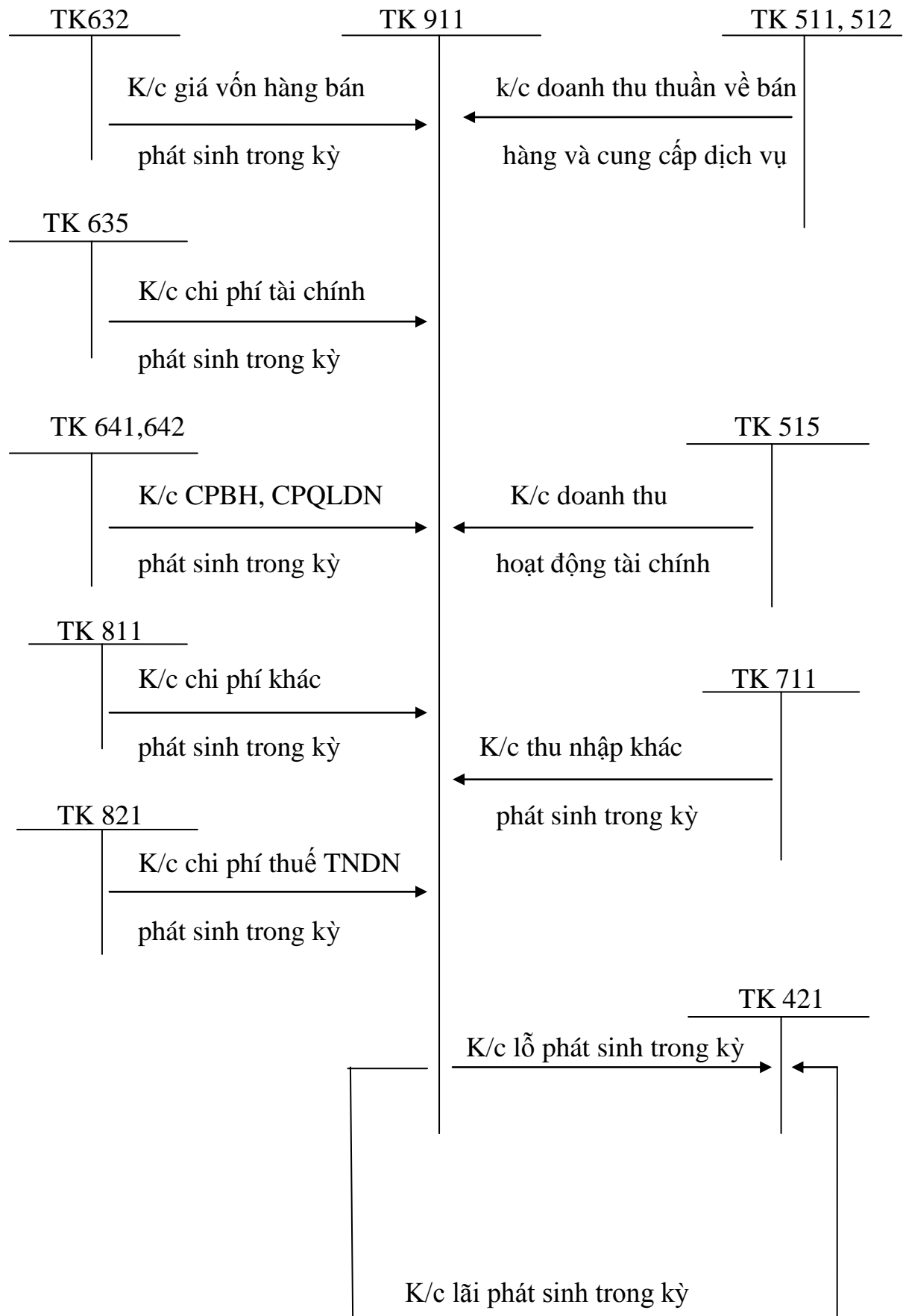
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

TK 421

<ul style="list-style-type: none"> + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp. + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh. + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. + Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ. + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
--	--

- ✓ TK 421 “**Lợi nhuận chưa phân phối**” có 2 tài khoản cấp 2:
 - + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay
- ✓ TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có
 - + Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
 - + Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
- ❖ **Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh**
Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh theo sơ đồ sau:



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRỌNG HÀ

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Trọng Hà.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Trọng Hà.

Công ty TNHH Trọng Hà được thành lập và hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 2202001164 do sở kế hoạch và đầu tư Quảng Ninh cấp ngày 03/04/2006 với ngành nghề kinh doanh chính là: kinh doanh thương mại tổng hợp.

Công ty TNHH là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh độc lập có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại Ngân hàng và có con dấu để giao dịch được hình thành do các cá nhân tự đóng góp sáng lập, cụ thể như sau:

- Đơn vị: Công ty TNHH Trọng Hà
- Tên giao dịch quốc tế: Trong Ha Limited Company.
- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 10, khu 9B, phường Bãi Cháy – Thành phố Hạ Long – Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0333.843.616 – 643.196 Fax: 0333.643.196
- Vốn điều lệ: 800.000.000
- Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giá trị góp vốn	Phần vốn góp
1	Bùi Văn Hải	Tổ 7 khu 8 Bãi Cháy- Hạ Long – Quảng Ninh.	600.000.000	75%
2	Bùi Văn Hà	Tổ 7 khu 8 Bãi Cháy- Hạ Long – Quảng Ninh.	200.000.000	25%

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh của đơn vị

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2202001164 ngày 03/04/2006 do sở kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngành nghề kinh doanh của công ty là:

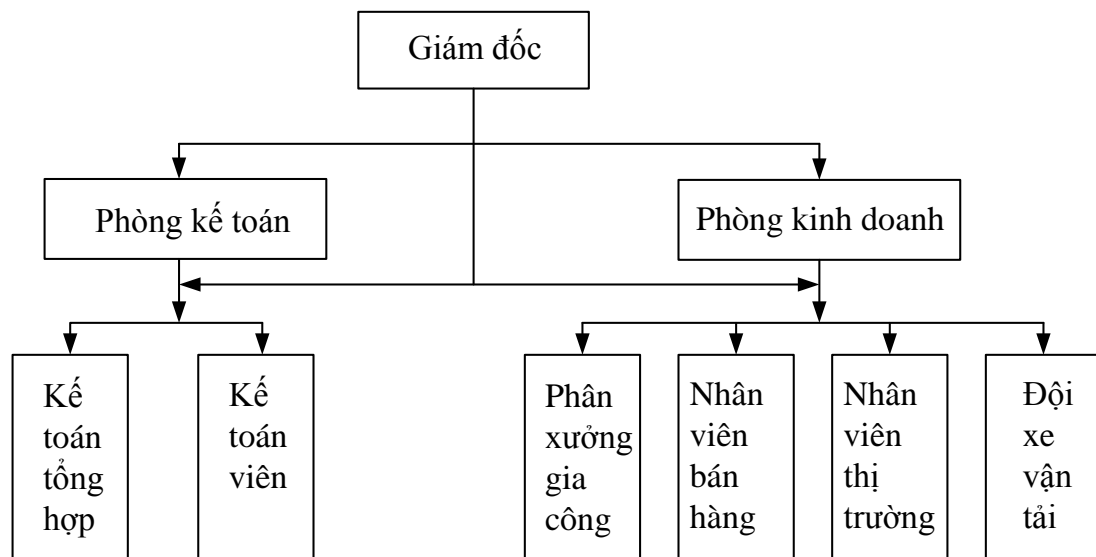
- Kinh doanh thương mại tổng hợp.
- Gia công cơ khí.
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ, đường bộ.
- Kinh doanh kho cảng bên bãi.
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Trọng Hà.

Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý của công ty TNHH Trọng Hà.

Bộ máy quản lý Công ty được sắp xếp một cách gọn nhẹ và hợp lý phù hợp với yêu cầu kinh doanh .Bao gồm: giám đốc, bộ phận kế toán, đội ngũ nhân viên bán hàng, nhân viên thị trường, xưởng gia công.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH Trọng Hà.



◆ Giám đốc

Tổ chức bộ máy và trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh sao cho đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng được yêu cầu bảo toàn và phát triển công ty theo phương hướng và kế hoạch đã được nêu ra.

- Xây dựng cơ cấu tổ chức quản trị và điều hành hoạt động công ty, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên có phẩm chất tốt, năng lực cao để đảm bảo hoạt động công ty một cách có hiệu quả và phát triển về lâu dài, ban hành quy chế lao động, tiền lương, tiền thưởng..., xét tuyển dụng, kỷ luật sa thải theo đúng theo quy định hiện hành của bộ Luật lao động và pháp luật Việt Nam.

- Lập kế hoạch kinh doanh, đầu tư, chi tiêu hàng tháng, quý, năm và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

- Ký kết các hợp đồng kinh tế, các văn bản giao dịch với các cơ quan chức năng phù hợp với pháp luật hiện hành, thực hiện mọi chế độ chính sách và luật pháp Nhà nước trong hoạt động của công ty.

- Nghiên cứu và đề nghị trực tiếp đến HĐQT các phong án, biện pháp giải quyết các trường hợp phát sinh trong quản lý và điều hành.

◆ **Phòng kinh doanh**

Lập kế hoạch chiến lược, kế hoạch chi tiết kinh doanh trên cơ sở nhu cầu của thị trường và khả năng cung cấp hàng hoá của công ty, và thực hiện toàn bộ việc tiêu thụ sản phẩm. Dự đoán nhu cầu của thị trường, đồng thời dựa trên khả năng tài chính của công ty, trưởng phòng kinh doanh có thể nhập hàng hoá sao cho không bị đọng vốn nhiều và có khả năng cung ứng hàng hoá với số lượng lớn.

Tổ chức Marketing, phát triển thị trường, phối hợp với phòng kế toán theo dõi các khoản nợ của khách hàng trong quá trình tiêu thụ các sản phẩm.

◆ **Xưởng gia công**

Xây dựng kế hoạch và tổ chức gia công theo yêu cầu của công ty, nhận và quản lý vật tư, thiết bị máy móc được giao phục vụ gia công. Chịu trách nhiệm về đảm bảo gia công đúng quy cách, kỹ thuật, an toàn lao động. Nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo, thực hiện các biện pháp tiết kiệm vật liệu trong quá trình gia công để hạ giá thành sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

◆ **Phòng kế toán**

Tham mưu cho Giám Đốc về mặt quản lý tài chính, cân đối và huy động vốn cho nhu cầu mua sắm hàng hoá, thiết bị, vật tư phục vụ cho hoạt động của công ty. Quản lý và hạch toán theo chuẩn mực kế toán và các chế độ về kế toán theo quy định hiện hành.

◆ **Đội xe vận tải**

Làm nhiệm vụ vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hoá theo yêu cầu của khách hàng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

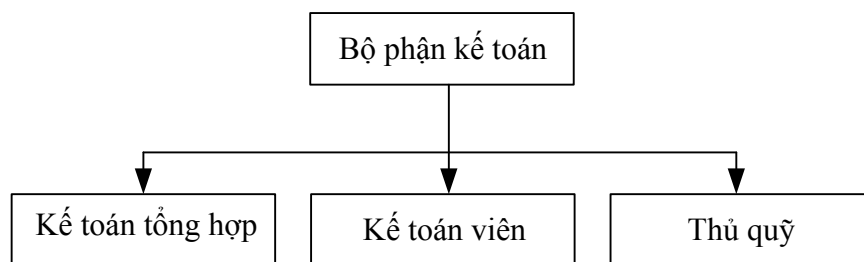
- Hình thức tổ chức công tác kế toán: căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý cũng như trình độ yêu cầu quản lý công ty, công ty tổ chức hạch toán theo hình thức kế toán tập trung thực hiện tại phòng kế toán công ty. Hình thức này cho phép giám đốc kiểm tra, kiểm soát và chỉ đạo nghiệp vụ đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất tập trung.

- Tổ chức bộ máy kế toán: 1 kế toán tổng hợp, 1 kế toán viên.

+ Kế toán tổng hợp: chịu trách nhiệm ghi sổ tổng hợp, xử lý số liệu kế toán hàng tháng trước khi khoá sổ kế toán, lập báo cáo tài chính đúng theo quy định, chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu và tiến độ báo cáo. Kiểm tra, hướng dẫn kế toán viên ghi chép, hạch toán theo đúng quy định của Bộ Tài Chính, quy chế quản lý tài chính của công ty. Cuối tháng lập bảng phân bổ tiền lương, và các khoản trích theo lương theo chế độ quy định. Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, lập bảng khấu hao theo chế độ quy định.

+ Kế toán viên: hàng ngày mở sổ theo dõi vật tư, hàng hoá nhập xuất. Kiểm kê đối chiếu định kỳ với thủ kho, cuối kỳ lập báo cáo nhập xuất tồn. Theo dõi, kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ phiếu thu, phiếu chi.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH Trọng Hà



2.1.5. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng: công ty áp dụng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành và thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 (tính theo năm dương lịch).

Phương pháp hạch toán và kế toán chi tiết hàng tồn kho: hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi

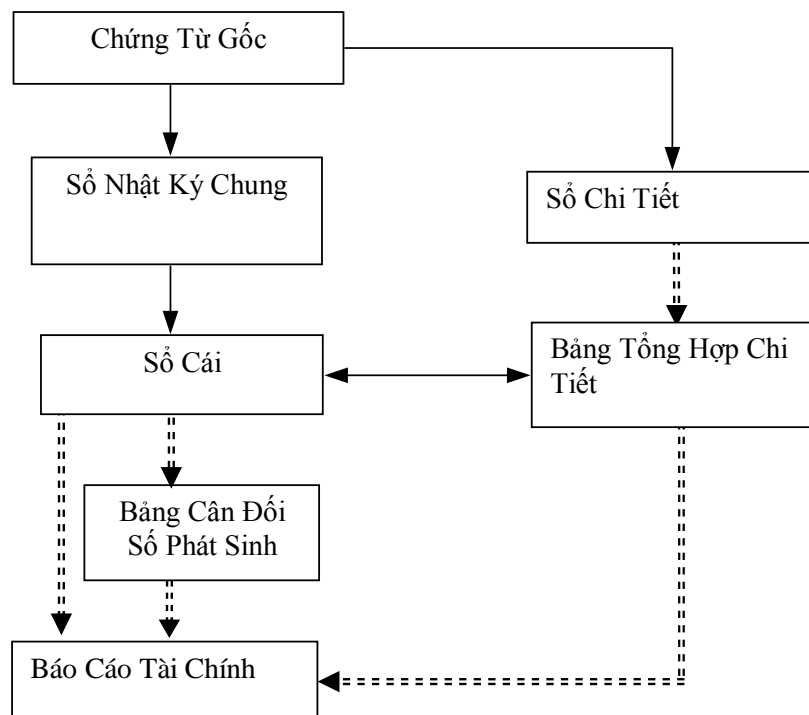
phí bảo quản và các chi phí trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm ở trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính trị giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền.

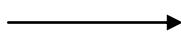
Phương pháp khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian hữu dụng ước tính và dựa vào quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Hình thức ghi sổ: xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh, căn cứ vào trình độ cũng như yêu cầu quản lý, công ty TNHH Trọng Hà áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

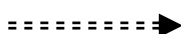
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để ghi vào nhật ký chung và sổ chi tiết. Sau đó căn cứ vào nhật ký chung để ghi sổ cái.

Từ các sổ chi tiết, tập hợp lại, lập bảng tổng hợp chi tiết vào cuối tháng, đối chiếu với sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh khi số liệu đối chiếu đã đúng khớp. Đó là căn cứ để lập báo cáo tài chính.

Hệ thống báo cáo tài chính gồm có:

- Bảng cân đối kế toán (BO1 – DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (BO2 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (BO3 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (BO9 – DN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trọng Hà.

2.2.1. Đặc điểm công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.

Công ty TNHH Trọng Hà là một công ty thương mại, đặc điểm về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Về tiêu thụ hàng hóa: công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hóa như một đại lý bán buôn và bán lẻ các loại vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh...

- Đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng như sắt, thép, gạch ngói, gạch lát nền công ty nhập của các doanh nghiệp trong nước như: công ty LDSX thép Việt Úc, công ty Viglacera Hạ Long...

❖ Một số hoạt động kinh doanh khác của công ty là:

- Vận tải hàng hoá.

2.2.2. Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.2.1. Nội dung công tác kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.

- *Phương thức bán hàng*

Trong hoạt động tiêu thụ ở Công ty thì ngoài việc tìm kiếm được khách hàng còn phải chọn được phương thức bán hàng hợp lý. Hiện tại Công ty đang sử dụng hai phương pháp bán hàng là chủ yếu là bán buôn và bán lẻ.

* Bán buôn: Phương thức này chiếm tỷ trọng không lớn trong khối lượng hàng hoá bán ra. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp, các công ty xây dựng và các nhà thầu, thị trường chủ yếu công ty cung cấp hàng hoá là ở thị trường Quảng Ninh vì tại thị trường này có tốc độ đô thị phát triển nhanh, các công trình xây dựng nhiều nên nhu cầu tiêu thụ hàng hoá là rất lớn.

* Bán lẻ: Là hình thức bán chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng hàng hoá tiêu thụ. Là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ hàng nhanh.

Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua hàng nhằm đáp ứng yêu cầu trực tiếp của họ. Bán lẻ thường với số lượng ít và người mua phải thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao hàng cho khách. Cuối ngày nhân viên bán hàng kiểm tiền và làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hoá hiện còn ở kho và xác định lượng hàng hoá bán ra trong ngày. Sau đó lập báo cáo bán hàng để xác định doanh số bán, đối chiếu với số tiền đã nộp theo giấy nộp tiền.

- Phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán được ghi rõ trong hợp đồng kinh tế đã được thoả thuận giữa hai bên về mua bán hàng hoá. Công ty thường áp dụng hai phương pháp là chủ yếu:

- + Phương thức thanh toán trực tiếp : khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt, chuyển khoản, ...
- + Phương thức thanh toán chậm trả (mua chịu).

- Tài khoản sử dụng

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- + TK 711: Thu nhập khác
- + Và các tài khoản liên quan

- Chứng từ sử dụng

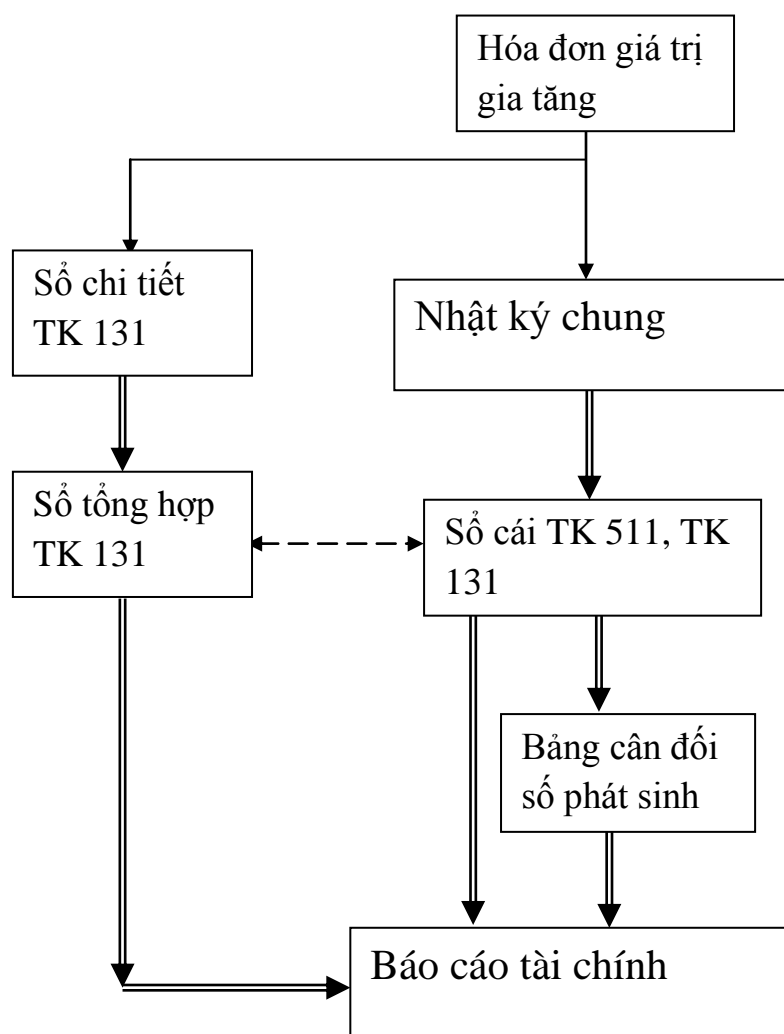
- + Hoá đơn bán hàng
- + Hoá đơn GTGT

- + Phiếu thu
- + Giấy báo có tiền gửi ngân hàng
- + Một số chứng từ khác có liên quan

Từ các chứng từ trên kế toán tổng hợp lại và phản ánh vào nhật ký chung và vào sổ cái, cuối tháng kế toán tổng hợp vào bảng cân đối kế toán...

2.2.2. Trình tự hạch toán kế toán tiêu thụ, doanh thu, chi phí cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ quy trình lưu chuyển chứng từ



Ghi chú:

- Ghi theo ngày →
- Ghi theo tháng →
- Quan hệ đối chiếu ↔

Ví dụ : Ngày 05 tháng 12 năm 2009 công ty ký hợp đồng bán hàng với Công ty TNHH Cơ Khí Hồng Hà một lô hàng cụ thể như sau:

- Thép nặng V40 * 40 với trọng lượng 127,6 Kg với đơn giá 13.000đ/kg.
- Thép ống phi 92 * 2.0 với trọng lượng 583 Kg với đơn giá 17,530đ /kg.
- Thép ống hộp các loại với trọng lượng 459Kg với đơn giá 14,386 đ/kg.
- Thép góc L 50 x 50 x 5 với trọng lượng 343 Kg với đơn giá 13,793 đ/Kg.

Căn cứ từ hợp đồng kế toán tiến hành ghi:

- Viết hoá đơn GTGT.
- Vào nhật ký chung.
- Vào sổ cái TK 511.
- Cuối quý kết chuyển doanh thu bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

Hoá đơn					
Giá trị gia tăng					
Liên 3 : Nội bộ					
Ngày 15 tháng 12 năm 2009					
Mẫu số 01 GTKT3LL EE/2009B 0048359					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Trọng Hà.					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công ty TNHH cơ khí Hồng Hà.					
Địa chỉ : : Tổ 10 Khu 8 – Hà Khẩu – Hạ Long – Quảng Ninh.					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MST: 5700468268					
STT	Tên hàng hoá,	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thộp nẹp V40* 40	Kg	127,6	13.000	1.658.800
2	Thép ống phi 92 *	Kg	583	17,530	10,219,99
3	Thép ống hộp các	Kg	459	14,386	6,603,174
4	Thép góc L 50 x 50	Kg	343	13,793	4,730,999
Cộng tiền hàng:					23,212,963
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTTG : 2,321,296	
Tổng cộng tiền thanh toán :					25,534,259
Số tiền viết bằng chữ: Hai lăm triệu lăm trăm ba tư nghìn hai trăm lăm chín đồng.					

Cty TNHH Trọng Hà

Mẫu số 01-TT

MST : 5700585875

QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của

Bộ tr- ờng BTC

Phiếu Thu

Ngày 15 Tháng 12 Năm 2009

Quyển số: Q1

Số: PT 132

Nợ:

Có:

Họ tên ng- ời nộp tiền: Nguyễn Văn H- ng

Địa chỉ: Công ty TNHH cơ khí Hồng Hà

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng.

Số tiền: 25,534,259 đồng

Bằng chữ: Hai lăm triệu lăm trăm ba t^h nghìn hai trăm lăm chín đồng .

Kèm theo.....01..... chứng từ gốc.

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Thủ tr- ờng	Kế toán tr- ờng	Ng- ời lập phiếu	Ng- ời nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....

+Tỉ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03a – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ
Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2009

ĐVT : Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
02/12	PT 120	02/12	Công ty TNHH Chiến Thắng trả nợ	111	18,050,957	
				131		18,050,957
15/12	HĐ0048359	15/12	Xuất kho thép nẹp V40* 40 , Thép ống phi 92 * 2.0 , Thép ống hộp các loại , Thép góc L 50 x 50 x 5.	632	18,250,000	
				156		18,250,000
15/12	HĐ0048359	15/12	Bán hàng cho công ty TNHH cơ khí Hồng Hà thu tiền mặt.	111	25,534,259	
				511		23,212,963
				3331		2,321,296
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu	511	1,858,829,807	
				911		1,858,829,807
...
			Cộng Chuyển Trang Sau		12,459,196,547	12,459,196,547

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ nhật ký chung trong tháng 12 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tháng 12 Năm 2009

Số hiệu TK: 511

DVT: đồng

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			-
			Số Phát Sinh			
...
06/12	PT 122	06/12	Bán hàng cho công ty TNHH	112		30,154,000
11/12	HD0048312	11/12	Bán thép tấm	131		45,390.211
...
15/12	HD0048359	15/12	Bán hàng cho công ty TNHH cơ khí Hồng Hà thu tiền mặt.	111		23,212,963
31/12		31/12	Kết chuyển doanh	911	1,858,829,807	
			Cộng số phát sinh		1,858,829,807	1,858,829,807
			Số dư cuối kỳ			-

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 511 trong tháng 12 năm 2009)

2.2.3. Tổ chức hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

2.2.3.1. Nội dung công tác kế toán giá vốn hàng bán

+ Kế toán giá vốn hàng bán

Tại Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Cho nên khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán tiến hành xác định trị giá vốn xuất kho của hàng hoá đó rồi viết phiếu xuất kho. Dựa vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ

+ Phương thức tính giá hàng xuất kho.

Công ty tính giá xuất kho hàng hoá theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và được tính theo công thức sau:

Giá đơn vị BQGQ cả kỳ dự trữ	=	Trị giá hàng tồn ĐK + Trị giá nhập trong kỳ
		Lượng tồn đầu kỳ + lượng hàng nhập

Trị giá hàng hoá xuất kho = Lượng thực tế xuất kho x Giá đơn vị BQGQ cả kỳ dự trữ .

2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán trong kỳ.

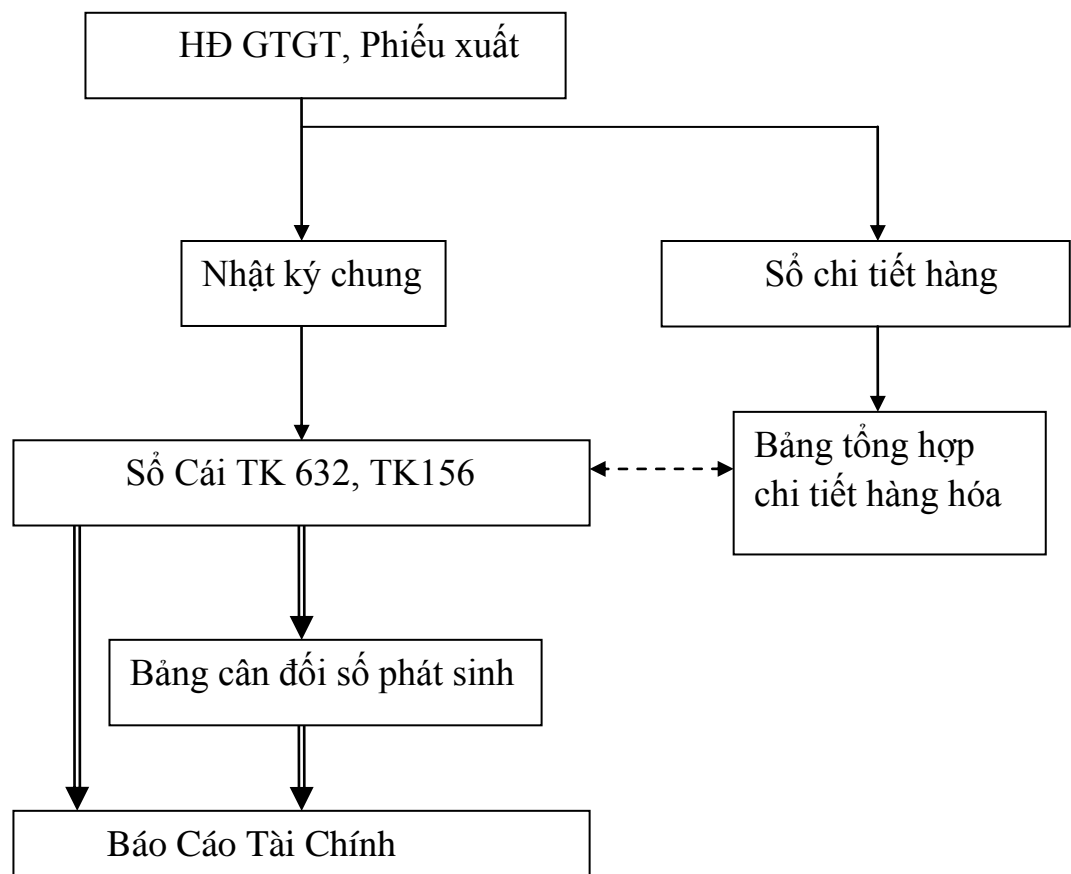
2.2.3.3. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

Hàng ngày, căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 632, TK 156 ... và các sổ khác có liên quan.

Cuối quý, kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

- Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Trọng Hà được mô tả theo sơ đồ



- Ghi chú:
 —→ : Ghi hàng ngày
 ==> : Ghi định kỳ
 <-.-.-> : Đối chiếu kiểm tra

Ví dụ : Ngày 05 tháng 12 năm 2009 Công ty ký hợp đồng bán hàng với Công ty TNHH Cơ Khí Hồng Hà một lô hàng cụ thể như sau:

- Thép nặng V40 * 40 với trọng lượng 127,6 Kg với đơn giá 13.000đ/kg.
- Thép ống phi 92 * 2.0 với trọng lượng 583 Kg với đơn giá 17,530đ /kg.
- Thép ống hộp các loại với trọng lượng 459Kg với đơn giá 14,386 đ/kg.
- Thép góc L 50 x 50 x 5 với trọng lượng 343 Kg với đơn giá 13,793 đ/Kg.

Căn cứ từ hợp đồng kế toán tiến hành ghi:

- Viết hoá đơn GTGT.
- Vào nhật ký chung.
- Vào sổ cái TK 632.
- Cuối quý kết chuyển giá vốn hàng bán và xác định kết quả kinh doanh.

Đơn vị:.....

PHIẾU XUẤT KHO

Mẫu số 01 - VT

Bộ phận:

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ

Mã đơn vị:

BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ

Số: PX 195

trưởng BTC .

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Công ty TNHH cơ khí Hồng Hà

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: K3

Số TT	Tên nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xuất kho thép nẹp V40* 40		kg	127,6	127,6	13.000	1.658.800
2	Thép ống phi 92 * 2.0		kg	583	583	17,530	10,219,990
3	Thép ống hộp các loại		kg	459	459	14,386	6,603,174
4	Thép góc L 50 x 50 x 5		kg	343	343	13,793	4,730,999

Tổng số tiền : 23,212,963

(Viết bằng chữ): Hai ba triệu hai trăm mười hai nghìn chín trăm sáu ba đồng.

Số chứng từ kèm theo:

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03a – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT			Nợ	Cú
A	B	C	D	E	1	2
...
06/12	PT 102	06/12	Công ty TNHH Phát Đạt trả nợ	111	11,215,000	
				131		11,215,000
12/12	PX 132	12/12	Xuất kho thép nẹp V40* 40	632	10,352,124	
				156		10,352,124
15/12	PX 195	15/12	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH cơ khí Hồng Hà.	632	23,212,963	
				156		23,212,963
31/12		31/12	Kết chuyển giá vốn	911	1,668,228,907	
				632		1,668,228,907
...
			Cộng Chuyển Trang Sau		12,459,196,547	12,459,196,547

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ nhật ký chung trong tháng 12 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm : 2009

Tên tài khoản: Giá Vốn Hàng Bán.

Số hiệu TK: 632

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	
			Số Phát Sinh Trong Kỳ			
...
15/12	PX 195	15/12	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH cơ khí Hồng Hà.	156	23,212,963	
18/12	PX 200	18/12	Xuất kho gạch GR 60 * 60	156	28,817,640	
25/12	PX 230	25/12	Xuất kho sơn jappont 6.1	156	2,009,085	
...
31/12		31/12	Kết chuyển giá vốn	911		1,668,228,907
			Cộng số phát sinh		1,668,228,907	1,668,228,907
			Số dư cuối kỳ		-	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 632 tháng 12 năm 2009)

2.2.4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.1. Nội dung của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH Trọng Hà.

Chi phí QLDN, BH là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, bán hàng của công ty. Chi phí QLDN, BH cao hay thấp đều ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của đơn vị. Vì vậy công ty phải giảm thiểu chi phí QLDN, BH tới mức có thể góp phần làm tăng lợi nhuận.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ *Chi phí bán hàng.*

Kế toán hạch toán chi phí bán hàng trên TK 641.

Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm:

- Tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng.
- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ hàng hoá.
- Chi phí điện nước phục vụ bán hàng.

+ *Các chứng từ chủ yếu sử dụng để hạch toán.*

- Phiếu chi.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Hoá đơn giá trị gia tăng.

+ *Các sổ sách kế toán gồm có:*

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641.

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp.*

Kế toán hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp trên TK 642.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Trọng Hà bao gồm các chi phí như sau:

- Chi phí nhân viên và các khoản trích theo lương.
- Chi tiền điện, nước phục vụ quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác.

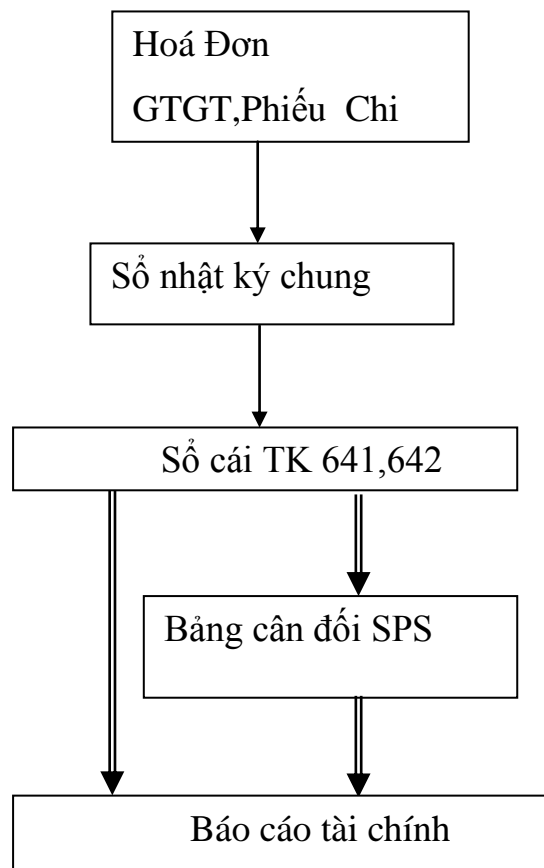
Chứng từ chủ yếu sử dụng để hạch toán:

- Phiếu chi.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Hoá đơn giá trị gia tăng.

Sổ sách kế toán gồm có:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642.
- Và các sổ khác liên quan.

2.2.4.3. Quy trình hạch toán chi phí QLDN tại công ty TNHH Trọng Hà .



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ

Ví dụ: Dựa vào bảng phân bổ tiền lương, kế toán xác định lương và các khoản trích theo lương vào chi phí cho cán bộ nhân viên thuộc bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp, kế toán ghi:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, 642

Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số: 11- LĐTTL

MST : 5700585875

(Ban hành theo QĐSố 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BT BTC)

Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

Tháng 12 năm 2009

ST T	Đối tượng sử dụng (Ghi nợ các tài khoản)	Ghi có các tài khoản							Tổng cộng
		TK 334: Phải trả người lao động			TK 338: Phải trả phải nộp khác				
		Lương	Các Khoản Khác	Cộng có TK 334	Kinh phí công đoàn	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	Cộng có TK 338	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	9
1	TK 641-Chi phí bán hàng	9,238,642		9,238,642	184,773	1,385,796	184,773	1,755,341	10,993,983
2	TK 642- Chi phí QLDN	10,500,000		10,500,000	210,000	1,575,000	210.000	1,995,000	12,495,000
	Cộng	19,738,642		19,738,642	394,773	2,960,796	394,773	3,750,341	23,488,983

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03a – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
06/12	PT 102	06/12	Công ty TNHH Phát Đạt trả nợ	111	11,215,000	
				131		11,215,000
31/12	BL 12	31/12	Tính lương phải trả các bộ phận	641	9,238,642	
				642	10,500,000	
				334		19,738,642
31/12	BL 12	31/12	Các khoản trích theo lương	641	1,755,341	
				642	1,995,000	
				334	1,184,307	
				338		4,934,615
...
			Cộng Chuyển Trang Sau		12,459,196,547	12,459,196,547

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

TK 641 - Chi phí bán hàng

DVT: Đồng

NTGS	CT		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số PS	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số Dư Đầu Kỳ			
			PS trong tháng			
...
31/12	BL12	31/12	Lương phải trả nhân viên BH	334	9,238,642	
31/12	BL12	31/12	Các khoản trích theo lương trả NV BH	338	1,755,341	
22/12	HĐ0905	22/12	Thanh toán tiền điện tháng 11/2009	111	300,000	
...
31/12		31/12	Kết chuyển sang 911	911		66,211,645
			Cộng PS		66,211,645	66,211,645
			Số Dư Cuối Kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 641 trong tháng 12 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ
Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

DVT: Đồng

NT GS	CT		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số PS	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số Dư Đầu Kỳ			
			PS trong tháng			
...
31/12	BL12	31/12	Lương phải trả nhân viên QLDN	334	10,500,000	
31/12	BL12	31/12	Các khoản trích theo lương trả NV QLDN	338	1,995,000	
22/12	HĐ095	22/12	Thanh toán tiền điện tháng 11/2009	111	250,000	
...
31/12		31/12	Kết chuyển sang 911	911		111,665,471
			Cộng PS		111,665,471	111,665,471
			Số Dư Cuối Kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 642 trong tháng 12 năm 2009)

2.2.5. Doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.5.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH

Trọng Hà.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty phát sinh chủ yếu do các khoản lãi nhận từ ngân hàng.

2.2.5.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

***) Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

***) Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

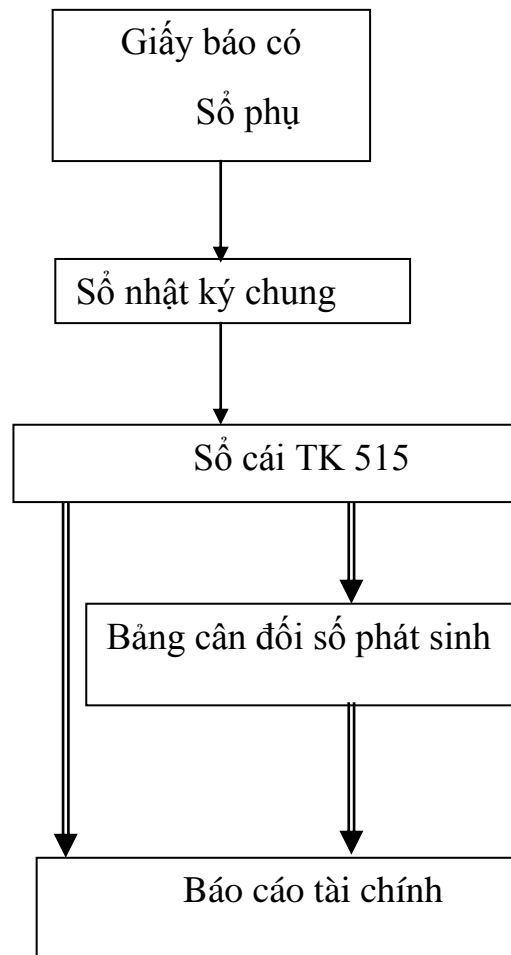
2.2.5.3 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH

Trọng Hà.

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Trọng Hà được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Ví dụ minh họa:

Ngày 21/12/2009, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng thương mại cổ phần đại dương về lãi tiền gửi được hưởng, số tiền: 1,524,352 đ

Kế toán căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kèm theo sổ phụ ,vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515 và các tài khoản khác có liên quan.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI DƯƠNG

ACEAN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI

Ngày : 21/12/2009

Số TK/ Account No: 60000533899186868

Loại hình tiền gửi/ Account Type: VDNTN0 – TK TIEN GUI THANH TOAN TO CHUC VN

Đơn vị tiền tệ/ Curenecy : VND

Tên khách hàng/ Customer name: Công ty TNHH Trọng Hà

Số dư đầu ngày/openning balance: 50,698,127

Ngày GD	Ngày HL	Số Giao Dịch	Số sec	Diễn Giải	Rút	Gửi	Số Dư
...
21/12/2009	21/12/2009	600ZTRF100WL		Thu lãi tín dụng	1,524,352		50,247,352
26/12/2009	26/12/2009	600ZTRF100ML		Trả lãi tín dụng	2,520,000		47,727,352
...	75,114,479

Cộng phát sinh trong kỳ/ Total amount : 76,742,352

Số dư cuối ngày/ Closing balance: 75,114,479

Người lập/Accountant

Kiểm soát viên/ Supervisor

Giám đốc/Director

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI DƯƠNG
ACEAN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 21/12/2009

Kính gửi : CÔNG TY TNHH Trọng Hà

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 60000522899186868

Số tiền bằng số : 1,524,352

Số tiền bằng chữ : [+] Một triệu năm trăm hai mươi tư nghìn , ba trăm năm mươi hai đồng.

Nội dung : ## LÃI NHẬP GỐC ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03a – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Nhật Ký Chung

Năm : 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
06/12	PT 102	06/12	Công ty TNHH Phát Đạt trả nợ	111	11,215,000	
				131		11,215,000
12/12	PX 132	12/12	Xuất kho thép nẹp V40* 40	632	10,352,124	
				156		10,352,124
21/12	GBC	21/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng	112	1,524,352	
				515		1,524,352
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	1,524,352	
				911		1,524,352
...
			Cộng Chuyển Trang Sau		12,459,196,547	12,459,196,547

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ nhật ký chung trong tháng 12 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm : 2009

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu TK: 515

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số Phát Sinh Trong Kỳ			
21/12	GBC	21/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng	112		1,524,352
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính.	911	1,524,352	
			Cộng số phát sinh		1,524,352	1,524,352
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 515 trong tháng 12 năm 2009)

2.2.6. Chi phí hoạt động tài chính.

2.2.6.1 Nội dung của chi phí tài chính tại công ty TNHH Trọng Hà

Công ty TNHH Trọng Hà không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính của công ty, hoạt động tài chính chủ yếu là trả lãi vay ngân hàng hàng tháng.

2.2.6.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng:

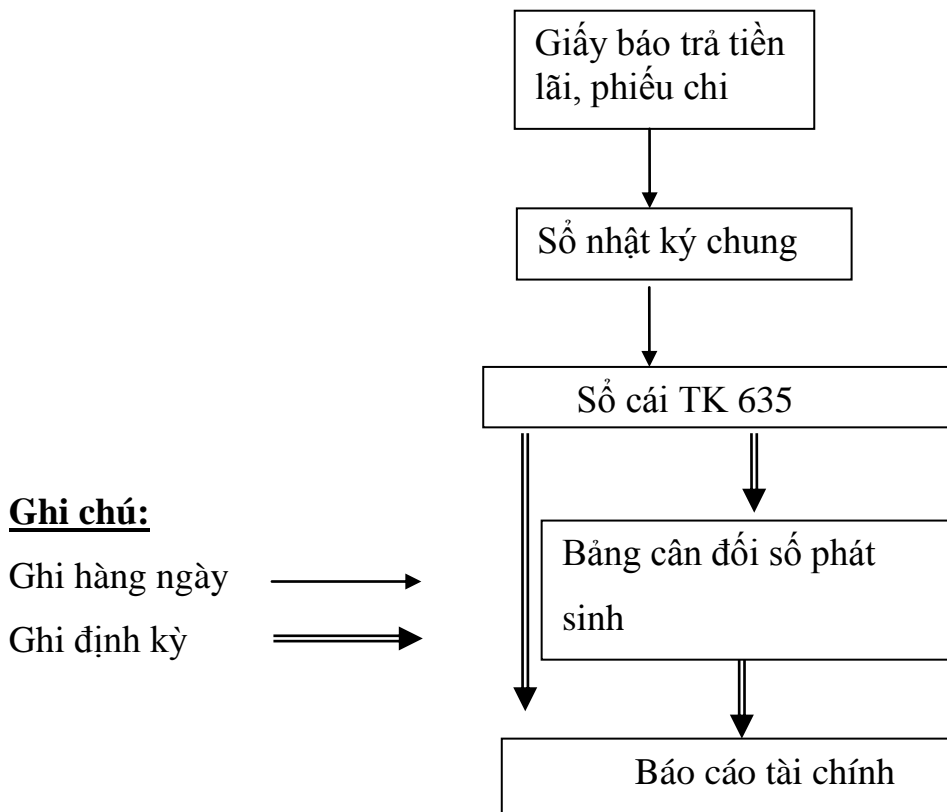
❖ Chứng từ kế toán:

- Giấy báo trả lãi tiền vay
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

- Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính: chủ yếu là các hoạt động trả lãi tiền vay ngân hàng.

2.2.6.3 Quy trình hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính



Ví dụ minh họa:

Ngày 26/12/2009 ngân hàng gửi giấy báo nợ trả lãi tiền vay cho công ty thông báo số tiền lãi phải trả tháng 12 là 2,520,000 đồng .Công ty trả lãi bằng TGNH.

Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ : Tổ 10 khu 9 Bãi

PHIẾU CHI

(Ban hành theo quyết

Cháy - Hạ Long - Quảng

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

định số 15/2006/QĐ

Ninh

Số: 30

– BTC ngày

20/03/2006 của Bộ

NỢ : 635

trưởng BTC)

CÓ : 1111

Người nhận tiền: Trần Ngọc Thi

Địa chỉ: Công ty TNHH Trọng Hà

Lý do chi : Trả lãi tiền vay ngân hàng tháng 12

Số tiền : 2,520,000

(Viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo : **Chứng từ gốc :**

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập Phiếu

Người Nhận Tiền

Thủ Quỹ

(Ký,họ tên, đóng d ấu)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

Đơn vị báo cáo: Công ty TNHH Trọng Hà

Địa Chỉ: Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
06/12	PT 102	06/12	Công ty TNHH Phát Đạt trả nợ	111	11,215,000	
				131		11,215,000
12/12	PX 132	12/12	Xuất kho thép nẹp V40* 40	632	10,352,124	
				156		10,352,124
26/12	GBC	26/12	Trả lãi tiền gửi ngân hàng	635	2,520,000	
				111		2,520,000
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	2,520,000	
				635		2,520,000
...
			Cộng Chuyển Trang Sau		12,459,196,547	12,459,196,547

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2009)

Đơn vị báo cáo: Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ: Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm : 2009

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số Phát Sinh Trong Kỳ			
31/12	GBC	31/12	Trả lãi tiền gửi từ ngân hàng	111	2,520,000	
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí tài chính.	911		2,520,000
			Cộng số phát sinh		2,520,000	2,520,000
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 635 tháng 12 năm 2009)

2.2.7. Thu nhập khác và chi phí khác

2.2.7.1. Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH Trọng Hà

*** Thu nhập khác.**

- Thu nhập khác là thu nhập từ việc nhượng bán tài sản cố định.
- Kế toán công ty hạch toán các khoản thu nhập khác trên TK 711
- Hàng ngày căn cứ vào các hoạt động phát sinh, các chứng từ thu thập kế toán tiến hành vào nhật ký chung, vào sổ cái TK 711. Cuối tháng kế toán tiến hành vào bảng cân đối kế toán...

*** Chi phí khác**

- Chi phí khác tại Công ty TNHH Trọng Hà là:
 - + Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán.

Tài khoản sử dụng là TK 811 và các tài khoản có liên quan

2.2.7.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan.

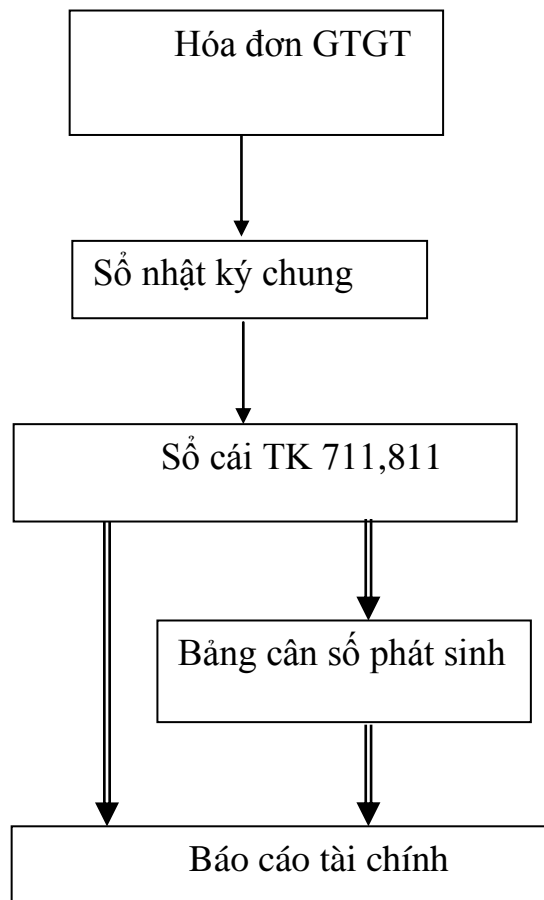
❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 71: Thu nhập khác

2.2.7.3. Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH Trọng Hà

Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty TNHH Trọng Hà được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.7



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Ví dụ:

- Ngày 31/07 /2009 công ty tiến hành nhượng bán xe ô tô hiệu MaZada 626.
- Kế toán tiến hành định khoản rồi sau đó ghi sổ nhật ký chung ,sổ cái TK 811,711...

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03a – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
31/07	KH010131	31/07	Nhượng bán xe con hiệu MAZDA626. Phản ánh doanh thu nhượng bán.	112	39,998,200	
				711		36,362,000
				3331		3,636,200
31/7	KH010131	31/07	Nhượng bán xe con hiệu MAZDA626.Xoá sổ nguyên giá TSCĐ.	214	5,939,394	
				811	44,969,697	
				211		50,909,091
31/12			Kết chuyển thu nhập khác	711	36,362,000	
				911		36,362,000
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	44,969,697	
				811		44,969,697
...
			Cộng Chuyển Trang Sau		12,459,196,547	12,459,196,547

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ nhật ký chung năm 2009)

Công Ty TNHH Trọng Hà
MST : 5700585875

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm : 2009

Tên tài khoản: Thu nhập khác.

Số hiệu TK: 711

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			-
			Số Phát Sinh Trong Kỳ			
31/07	KH010131	31/07	Nhượng bán xe con hiệu MAZDA626	112		36,362,000
...
31/12		31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	36,362,000	
			Cộng số phát sinh		36,362,000	36,362,000
			Số dư cuối kỳ			-

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 711 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh. (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

TK 811 – Chi Phí Khác

DVT: Đồng

NT GS	CT		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số PS	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số Dư Đầu Kỳ			
			PS trong tháng			
...
31/7	KH 010131	31/7	Nhượng bán xe ô tô hiệu MaZada 626.	211	44,969,687	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển sang 911	911		44,969,687
			Cộng PS		44,969,687	44,969,687
			Số Dư Cuối Kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 811 năm 2009)

2.2 .8. Tài khoản sử dụng để hạch toán kết quả kinh doanh

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại cho nên việc xác định kết quả kinh doanh của công ty được thực hiện vào cuối mỗi tháng và do kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm. Căn cứ vào các chứng từ, sổ sách do các kế toán bộ phận doanh thu và chi phí đưa lên, kế toán tổng hợp phân tích các chỉ tiêu và lập báo cáo.

Cuối mỗi tháng kế toán tổng hợp số liệu trên Sổ cái TK 911

Báo cáo tài chính được lập mỗi quý và cuối năm sẽ tổng hợp số liệu cả năm để lập báo cáo tài chính của năm

Ví dụ Xác định kết quả kinh doanh của Công ty tại tháng 12/2009. Để xác định được kết quả kinh doanh kế toán tiến hành tổng hợp số liệu và tiến hành các bút toán kết chuyển.

- Kết chuyển TK 511, 711, 515.
- Kết chuyển TK 632 ,641 ,642 ,811 ,635.
- Vào sổ nhật ký chung
- Vào sổ cái TK 911

* Phương pháp tính toán và kết chuyển

- Phương pháp tính toán
 - Kết quả hoạt động kinh doanh.

Kết quả hoạt động bán hàng	=	Doanh thu thuần bán hàng	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
----------------------------	---	--------------------------	---	------------------	---	------------------	---	------------------------------

- Kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
------------------------	---	---------------	---	--------------

- Kết quả hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu tài chính	-	Chi phí tài chính
-----------------------------	---	---------------------	---	-------------------

- Kết chuyển
 - + Kết chuyển doanh thu
 - Kết chuyển doanh thu bán hàng
 - Nợ TK 511: 1,858,829,807
 - Có TK 911: 1,858,829,807
 - Kết chuyển thu nhập khác
 - Nợ TK 711: 36,362,000
 - Có TK 911: 36,362,000
 - Kết chuyển doanh thu tài chính
 - Nợ TK 515: 1,524,352
 - Có TK 911: 1,524,352
 - + Kết chuyển chi phí
 - Kết chuyển chi phí tài chính
 - Nợ TK 911: 2,520,000
 - Có TK 635: 2,520,000
 - Kết chuyển giá vốn hàng bán
 - Nợ TK 911: 1,668,228,907
 - Có TK 632: 1,668,228,907
 - Kết chuyển chi phí bán hàng
 - Nợ TK 911: 66,211,645
 - Có TK 641: 66,211,645
 - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Nợ TK 911: 111,665,471
 - Có TK 642: 111,665,471
 - Kết chuyển chi phí khác
 - Nợ TK 911: 44,969,687
 - Có TK 811: 44,969,687

- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp

Nợ TK 911: 868,289

Có TK 821:868,289

- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế

Nợ TK 911: 2,604,868

Có TK 421:2,604,868

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà
Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hà
Long – T.Quảng Ninh.

Mẫu số S03B – DN
(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ – BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Cái Tài Khoản

Tháng 12 Năm 2009

Tên tài khoản :Xác định kết quả kinh doanh Số hiệu TK: 911

NT Ghi Số	Chứng Từ		Diễn Giải	TK Đối Ứng	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu.	511		1,859,182,515
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu khác	711		36,362,000
			Kết chuyển doanh thu tài chính	515		1,524,352
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	44,969,687	
			Kết chuyển chi phí tài chính	635	2,520,000	
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng.	641	66,211,645	
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.	642	111,665,471	
31/12		31/12	Kết chuyển giá vốn.	632	1,668,228,907	
31/12		31/12	Kết chuyển lãi	4212	2,604,868	
31/12		31/12	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp.	821	868,289	
			Cộng số phát sinh		1,897,068,867	1,897,068,867
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2009

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu : Trích sổ cái TK 911 tháng 12 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản : **Lãi chưa phân phối**

Số hiệu TK: 421

Đvt: đồng

NT Ghi Sổ	Chứng		Diễn Giải	TK Đối Ứng	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			<u>4.318.560</u>
			Số phát sinh			
...
31/1	PK	31/12	Kết chuyển lãi	911		2,604,868
...
31/1 2	PK 14	31/12	Phân phối lợi nhuận vào nguồn	411	2,454,623	
			Cộng số phát sinh		2,454,623	2,604,868
			Số dư cuối kỳ			<u>4,468,805</u>

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích sổ cái TK 421 tháng 12 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số S03B – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ
Long – T.Quảng Ninh .

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm : 2009

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư đầu kỳ			
			Sô phát sinh			
31/12		31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	868,289	
31/12		31/12	K/chuyển CP thuế TNDN	911		868,289
			Cộng phát sinh		868,289	868,289
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ Cái TK 821 năm 2009)

Đơn vị báo cáo : Công ty TNHH Trọng Hà

Mẫu số B02 – DN

Địa Chỉ : Tổ 10 khu 9 P.Bãi Cháy – TP.Hạ
Long – T.Quảng Ninh.

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm:2009

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	
			Năm nay	Năm Trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	1	1.859.182.515	1.122.863.299
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung	10	1.859.182.515	1.122.863.299
4	Giá vốn hàng bán	11	1.668.228.907	1.026.621.306
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	20	190.953.608	96.241.993
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,524,352	
7	Chi phí tài chính	22		
	trong đó: chi phí lãi vay	23	2,520,000	
8	Chi phí bán hàng	24	66.211.645	30,243,000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	111.665.471	60,000,993
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(24+25))	30	12,080,844	5,998,000
11	Thu nhập khác	31	36.362.000	
12	Chi phí khác	32	44.969.687	
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(8.607.687)	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3,473,157	5,998,000
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	868,289	1,679,440
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60	2,604,868	4,318,560
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		

Ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRỌNG HÀ.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TRỌNG HÀ.

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức kịp thời chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Công ty rất quan tâm đến đời sống tinh thần cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức thi đấu phong trào thể dục - thể thao nhằm rèn luyện thể lực và vui chơi, giải trí lành mạnh. Công ty luôn có chính sách khen thưởng thỏa đáng và kịp thời cho các cán bộ công nhân viên mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Công ty đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ, mở rộng hoạt động kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên. Doanh thu hàng năm của công ty đã tăng nh- ng không nhiều. Điều đó cũng thể hiện sự cố gắng của công ty TNHH Trọng Hà.

Qua một thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp nhận với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm.

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty em nhận thấy: Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng đã đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty.

➤ Về bộ máy quản lý.

Công ty TNHH Trọng Hà đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc trực tiếp điều hành và quản lý.

➤ Về bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý.

- Công ty rất quan tâm đến công tác tài chính – kế toán, thường xuyên tập trung củng cố bộ máy phòng kế toán theo hướng tinh gọn, hiệu quả đáp ứng yêu cầu báo cáo thống kê kịp thời, chính xác, đúng quy định của các ngành quản lý chức năng.

***) Về hình thức kế toán:**

➤ Công ty áp dụng hình thức ghi sổ là Nhật ký chung đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và qui mô của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời

➤ Về tổ chức công tác hạch toán kế toán.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ tài chính kế toán của Nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của công ty khi

phát sinh nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá thì các chứng từ đều được lập đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính.

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ tại công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của nghiệp vụ. Công ty sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực đầy đủ rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định mà công ty cần phải khắc phục.

- Do quy mô sản xuất kinh doanh của công ty còn nhỏ, số lượng hàng bán chưa lớn nên công ty còn rất hạn chế trong việc mở sổ chi tiết theo các tài khoản gây trở ngại cho việc theo dõi các đối tượng hàng hoá tại công ty. Cụ thể đó là: sổ chi tiết giá vốn hàng bán; sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hoá; sổ chi tiết chi phí bán hàng và sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp. Và tại công ty việc lập các bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản vẫn còn hạn chế, điều này gây khó khăn cho kế toán trong việc đối chiếu sổ sách tại công ty, cụ thể công ty cần lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá, bảng tổng hợp thanh toán với người mua.

- Công ty chưa có chính sách thu hút khách hàng, thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá như: Chiết khấu thương mại (phản ánh qua tài khoản 521), giảm giá hàng bán (TK 531) do hàng hoá kém phẩm chất. Bán hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng quyết định lớn đến việc thu được lợi nhuận về cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó vấn đề cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, quyết liệt, không đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu làm giảm hiệu quả của công tác tiêu thụ hàng hoá, giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung nhưng kết cấu của sổ chưa đúng với mẫu quy định của bộ tài chính như: Sổ cái của doanh nghiệp không có cột

trang nhật ký chung, sổ thứ tự dòng nhật ký chung, sổ nhật ký chung của doanh nghiệp không có cột đã ghi sổ cái, sổ thứ tự dòng. Như vậy sẽ gây khó khăn trong việc đối chiếu, theo dõi các nghiệp vụ phát sinh có trùng khớp nhau hay không.

- Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán, tuy nhiên hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán.

3.1.3 Nguyên nhân của thực trạng

- Đất nước mới chuyển sang cơ chế thị trường vì vậy nền kinh tế còn kém phát triển.
- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, không mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, quá trình xử lý vi phạm chưa nghiêm.
- Về phía tổ chức nghề nghiệp: hoạt động mang tính chất hình thức chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Yêu cầu kiểm tra công tác kế toán tại công ty chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ.
- Trình độ kế toán còn hạn chế, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.
- Tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán chưa cao.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.

3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Trọng Hà nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp

tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

a. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

b. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

c. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

d. Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.4. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Trọng Hà trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn, có hiệu quả cao hơn. Em xin mạnh dạn được đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

3.2.4.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán trong công tác kế toán doanh thu, giá vốn tại công ty TNHH Trọng Hà.

Khi hạch toán doanh thu bán hàng công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng

loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, trong năm kế toán. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng theo biểu mẫu 3.1.

Khi hạch toán giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại hàng hóa bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Công ty nên chia tách mỗi loại mặt hàng một sổ để dễ dàng cho việc theo dõi lượng hàng nhập và bán của mỗi loại trong kỳ từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn trong việc tiêu thụ hàng hoá của công ty. Vì vậy công ty nên mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng loại mặt hàng theo biểu mẫu 3.2 và sổ chi tiết hàng hoá cho từng loại hàng hoá theo biểu mẫu 3.3. Bên cạnh việc mở sổ chi tiết hàng hoá, Công ty cũng cần mở thẻ kho theo từng loại hàng hoá điều đó sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho kế toán trong việc theo dõi lượng hàng hoá nhập, xuất và tồn của từng loại mặt hàng, theo biểu mẫu 3.4.

Và tại công ty do chưa lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá và bảng tổng hợp thanh toán với người mua nên trong quá trình tổng hợp kế toán đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đối chiếu số liệu, sổ sách. Vì vậy, công ty nên lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá theo mẫu 3.5 và bảng tổng hợp thanh toán với người mua theo mẫu 3.6.

Công ty nên sử dụng đúng mẫu sổ nhật ký chung, sổ cái theo quy định của bộ tài chính để tiện cho việc đối chiếu, theo dõi các nghiệp vụ phát sinh theo biểu mẫu 3.7 và mẫu 3.8.

Biểu mẫu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	DOANH THU			CÁC KHOẢN TÍNH TRỪ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Số này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày tháng..... năm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 641, 642, 632...)

- Tài khoản:

- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày, tháng ghi sổ	CHÚNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN ...									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra								
							
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			- Số d- đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ											
			- Cộng số phát sinh - Ghi Có TK - Số d- cuối kỳ											

- Sổ này có ... trang, đánh số trang từ trang 01 đến trang ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 3.3: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Đơn vị:

Mẫu số S10-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Năm: ...

Tài khoản:

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): ...

Tiêu khoản:

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá):

Tên kho:

Đơn vị tính: ...

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3= 1*2	4	5 = 1*4	6	7= 1*6	
		Số dư đầu kỳ									
		Cộng tháng	x	x							

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

- Sổ này có ... trang, đánh số trang từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 3.4: Thẻ kho

Đơn vị:

Mẫu số S12- DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ:

Tờ số:

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:

Đơn vị tính:

Mã số vật:

STT	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số l- ợng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Cộng cuối kỳ	x				X

- Sổ này có ... trang, đánh số trang từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm ...

Thủ kho

Kế toán tr ờng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 3.5: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản:

Tháng ... năm ...

ST T	Mã số	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, SP, HH	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
A	B	C			1		2		3		4
		Cộng	

Biểu mẫu 3.6: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Số hiệu:

Tháng ... năm ...

STT	Tên khách hàng (đối tượng)	SDDK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Cộng

Biểu mẫu 3.7: Sổ nhật ký chung

Mẫu số S03a –DN

Đơn vị: ...

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC

Địa chỉ: ...

Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng Bộ trưởng BTC

Sổ Nhật Ký Chung

Năm:

Đơn vị tính:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>					
			<i>Cộng chuyển sang trang sau</i>	x	X	X		

Ngày... tháng... năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 3.8: Sổ Cái

Mẫu số S03a –DN

Đơn vị: ...

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC

Địa chỉ: ...

Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng Bộ trưởng BTC

Sổ Cái

Năm: ...

Tên tài khoản: ...

Số hiệu: ...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số Phát Sinh trong kỳ					
			- Cộng Số phát sinh trong kỳ					
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày... tháng... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

3.3.2. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán trong hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các nhà quản lý kinh doanh rất cần biết thông tin chi tiết cụ thể về các yếu tố chi phí cũng như việc sử dụng loại chi phí này để từ đó lập dự toán chi phí và chủ động điều tiết chi phí. Nhưng ở công ty tất cả các khoản chi phí phát sinh đều được tập hợp, phản ánh tổng hợp trên tài khoản 641 " chi phí bán hàng" và tài khoản 642 " chi phí quản lý doanh nghiệp " và không hạch toán chi tiết theo yếu tố chi phí, do đó thông tin mà kế toán cung cấp chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

- Để giải quyết hạn chế trên thì kế toán nên sử dụng sổ chi tiết tài khoản 641 " chi phí bán hàng" và tài khoản 642 " chi phí quản lý doanh nghiệp ". Để chi tiết hơn có thể dùng tài khoản chi tiết cấp 2 cho mỗi loại chi phí phát sinh, việc làm này là cần thiết vì nó giúp cho kế toán xác định được các yếu tố chi phí từ đó theo dõi quản lý được dễ dàng, nhằm có thể đưa ra những biện pháp quản lý hữu hiệu đối với các khoản chi phí này. Để theo dõi các yếu tố chi phí phát sinh ở bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp kế toán có thể mở sổ chi tiết của tài khoản 641 theo biểu mẫu 3.2 và tài khoản 642 theo biểu mẫu 3.2.

Đơn vị:

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 641- Chi phí bán hàng...

- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN 641				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						6411	6412	6414	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
			Cộng phát sinh	

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Tên phân xưởng:

- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày, tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN 642				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						6421	6423	6424	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
			Cộng phát sinh	

Hiệu quả của việc hoàn thiện:

Đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính và kế toán của Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành, nhân viên kế toán có cơ sở để xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh cung cấp cho các nhà lãnh đạo công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục và có hệ thống về tình hình hiện có cũng như sự biến động của các khoản mục chi phí phát sinh để lập dự toán chi phí và phân đầu điều tiết chi phí sao cho các khoản chi phí này được giảm tối đa.

3.2.4.3. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể, cá nhân kinh doanh mặt hàng của công ty nên tình hình cạnh tranh diễn ra rất gay gắt, công ty hiện nay đã có một số lượng khách hàng truyền thống lâu năm, những khách hàng này thường là những đại lý thường mua với số lượng lớn. Việc áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng là rất quan trọng, hàng hóa muốn bán được nhiều cần đáp ứng tốt về chất lượng vừa có giá cả phù hợp. Vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như giảm giá, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn và thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được những khách hàng này.

Để tiện theo dõi kế toán nên mở thêm chi tiết cho tài khoản 521 "chiết khấu thương mại". Phương pháp hạch toán tài khoản này như sau:

Phán ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế VAT phải nộp theo chiết khấu thương mại

Có TK 111,112,131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển số tiền (chiết khấu bán hàng đã được chấp nhận) cho khách hàng sang TK 511 "doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

Nợ 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có 521: chiết khấu thương mại

Hiệu quả của việc hoàn thiện:

Công ty không những giữ được các khách hàng truyền thống mà còn phát triển được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty

trong việc bán hàng và thanh toán giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường của công ty.

3.2.4.4. Hoàn thiện về vấn đề nhân sự và việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

Để đạt được hiệu quả kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường, tận dụng yếu tố khách quan thì công ty cũng cần phải quan tâm đến vấn đề nhân sự. Riêng với nhân viên kế toán công ty cần tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học, vì hiện nay trong phòng kế toán tuy đã được trang bị đầy đủ máy vi tính và máy in nhưng các nhân viên kế toán vẫn chưa tận dụng được hết khả năng của máy tính, đặc biệt là chưa tận dụng được hết khả năng của việc làm Excel và phần mềm kế toán trong công việc của mình.

3.2.4.5. Ứng dụng phần mềm vi tính vào công tác kế toán

Hiện nay hình thức sổ mà công ty đang áp dụng là: nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức sổ kế toán mà công ty áp dụng là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán nên máy vi tính, phần mềm kế toán này phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức nhật ký chung.

Hiệu quả của việc hoàn thiện:

Việc vận dụng máy vi tính vào hạch toán kế toán thích hợp với hình thức ghi sổ, quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của công ty sẽ phát huy được chức năng giám đốc, kế toán cung cấp được đầy đủ, chính xác được các chỉ tiêu cần thiết cho quản lý sản xuất kinh doanh, có khả năng đơn giản hóa, giảm nhẹ việc ghi chép, đối chiếu, nâng cao hiệu suất công tác kế toán.

3.3 Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.

+ *Về phía nhà nước:* xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt, xử lý các doanh nghiệp vi phạm.

+ *Về phía công ty:* ban lãnh đạo công ty kiểm tra chặt chẽ công tác kế toán.

Công ty phải có khả năng tài chính, đầu tư trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho công tác kế toán. Trong quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chấp hành nghiêm chỉnh về quản lý tài chính. Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó nhân viên kế toán phải có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm.

+ *Về phía tổ chức nghề nghiệp*: cần phải hoạt động tích cực, hiệu quả hơn nữa.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Trọng Hà cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với sự giúp đỡ của các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin trân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy Thịnh Văn Vinh người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Đào Thị Linh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình kế toán tài chính – ĐH KTQD
- Giáo trình kế toán quản trị - ĐH KTQD
- Quyết định 15/2006 QĐ - BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC
- Giáo trình kế toán doanh nghiệp I, Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng.
- Giáo trình kế toán doanh nghiệp II, Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng.
- Hệ thống tài khoản Kế toán Việt Nam, Quyển I và Quyển II, NXB Tài Chính Hà Nội- 2006 (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)
- Website: **www.Google.com**

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1. Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.1. Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.2 Yêu cầu quản lý quá trình bán hàng và nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.2.1. Yêu cầu quản lý quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp thương mại	4
1.1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2 Kế toán doanh thu trong các doanh nghiệp.....	6
1.2.1 Khái niệm doanh thu	6
1.2.2 Các loại doanh thu trong doanh nghiệp	6
1.2.2.1 Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ	6
1.2.2.2 Doanh thu tiêu thụ nội bộ.....	7
1.2.2.3 Các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.2.4 Doanh thu hoạt động tài chính	8
1.2.2.5 Thu nhập khác	9
1.2.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu.....	9
1.2.3.1 Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	9
1.2.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán doanh thu	10
1.3 Kế toán chi phí trong các doanh nghiệp.....	21
1.3.1 Khái niệm chi phí	21

1.3.2 Các loại chi phí trong doanh nghiệp	21
1.3.2.1 Giá vốn hàng bán.....	21
1.3.2.2 Chi phí bán hàng	22
1.3.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.3.2.4 Chi phí hoạt động tài chính	24
1.3.2.5 Chi phí khác	24
1.3.2.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24
1.3.3 Tổ chức công tác kế toán chi phí	25
1.3.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	25
1.3.3.2 Kế toán chi phí bán hàng.....	28
1.3.3.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRỌNG HÀ	41
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Trọng Hà.....	41
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Trọng Hà.	41
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh của đơn vị.....	41
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Trọng Hà.....	42
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	44
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.....	44
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trọng Hà.	46
2.2.1. Đặc điểm công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.	46
2.2.2. Trình tự hạch toán kế toán tiêu thụ ,doanh thu ,chi phí cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh.....	48
2.2.3 Tổ chức hạch toán kế toán giá vốn hàng bán.....	54
2.2.3.1. Nội dung công tác kế toán giá vốn hàng bán	54
2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	54

2.2.3.3. Qui trình hạch toán giá vốn hàng bán	55
2.2.4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	60
2.2.4.1. Nội dung của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH Trọng Hà.	60
2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	60
2.2.4.3. Quy trình hạch toán chi phí QLDN tại công ty TNHH Trọng Hà	61
2.2.5. Doanh thu hoạt động tài chính.	67
2.2.5.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Trọng Hà.....	67
2.2.5.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.	67
2.2.5.3 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Trọng Hà.	67
2.2.6. Chi phí hoạt động tài chính.	73
2.2.6.1 Nội dung của chi phí tài chính tại công ty TNHH Trọng Hà.....	73
2.2.6.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng:	73
2.2.6.3 Quy trình hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	73
2.2.7. Thu nhập khác và chi phí khác.....	77
2.2.7.1. Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH Trọng Hà.	77
2.2.7.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	77
2.2.7.3. Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH Trọng Hà.....	77
2.2 .8. Tài khoản sử dụng để hạch toán kết quả kinh doanh.....	82
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRỌNG HÀ.....	89
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TRỌNG HÀ.	89
3.1.1. Ưu điểm.	90
3.1.2. Hạn chế.....	91

3.1.3 Nguyên nhân của thực trạng	92
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.	93
3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.....	93
3.2.2.Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	93
3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện.....	94
3.2.4. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.....	95
3.2.4.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán trong công tác kế toán doanh thu, giá vốn tại công ty TNHH Trọng Hà.	95
3.2.4.2. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán trong hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	103
3.2.4.3. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng.....	108
3.2.4.4. Hoàn thiện về vấn đề nhân sự và việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán.	109
3.2.4.5. Ứng dụng phần mềm vi tính vào công tác kế toán	109
3.3.Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trọng Hà.	109
KẾT LUẬN	111
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	112